

Các ngành văn xã chuyển hướng kịp thời phục vụ đời sống của các tầng lớp nhân dân.

Ngành y tế quan tâm nhiều đến phòng chống dịch bệnh. Năm 1974, Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo phát hiện sớm, dập tắt nhanh các ổ dịch như dịch cúm. Ngành đã làm tốt công tác tuyên truyền phòng bệnh, chữa bệnh, nhất là bệnh phụ khoa, đau mắt. Trong năm 1974 đã mổ được 31 ca mắt hột, 8 ca quặm. Bệnh viện huyện đã củng cố được 70 giường bệnh, điều trị được 5701 bệnh nhân, tỷ lệ tử vong giảm từ 1,06% xuống 0,94%.

Công tác vệ sinh phòng bệnh được chú ý. Huyện chỉ đạo đẩy mạnh sửa chữa hố xí hai ngăn, đầu năm 1974 xây mới được 160 chiếc, cuối năm tăng lên 650 chiếc đạt 50% kế hoạch. Phong trào đào giếng khơi, xây nhà tắm hợp vệ sinh phát triển rộng, bình quân toàn huyện cứ 6 hộ có một giếng nước ăn, 11 hộ có một nhà tắm, có 37 đội sản xuất ủ phân đúng quy cách. Công tác tiêm phòng đảm bảo tốt, đạt 94% kế hoạch. Năm 1974, trong huyện không để xảy ra dịch bệnh. Phong trào tự túc thuốc nam đạt kết quả khá, toàn huyện trồng được 16 mẫu, 2 sào cây thuốc nam, có 9 xã tự túc sản xuất được thuốc nam, tiêu biểu là xã Trác Văn chế biến được 8 loại thuốc phục vụ chữa bệnh cho nhân dân.

Cơ sở vật chất y tế tuyến xã có bước chuyển biến mới, có 21/22 trạm xá xây gạch, lợp ngói, riêng xã Tiên Tân còn nhà tranh. Trong đó, có 10 xã được trang bị dụng cụ y tế tương đối hoàn chỉnh, 22 trạm y tế có 17 trạm trưởng là y sĩ, 2 trạm trưởng là y tá, có 1 trạm trưởng là đông y. Lương y sĩ cao nhất

là 36 đồng, thấp nhất là 30 đồng, y tá, dược tá, hộ sinh từ 28 đến 30 đồng.

Sáu tháng cuối năm 1974 và những tháng đầu năm 1975, ngành y tế đã tổ chức khám bệnh cho 18.562 lượt người đạt 121,3% kế hoạch, điều trị nội, ngoại trú 3.995 người đạt 110% kế hoạch. Ngành còn hoàn thành tốt việc khám tuyển nghĩa vụ quân sự.

Công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em cũng đạt được nhiều thành tích. Toàn huyện đã tuyên truyền đặt vòng tránh thai được 596 người hưởng ứng, đã đặt được 246 vòng bằng 24% kế hoạch. Có 51 nhà trẻ gồm 1.300 cháu, có 103 nhóm trẻ gồm 1.049 cháu.

Tuy nhiên, ngành y tế cũng còn một số tồn tại như mạng lưới y tế chưa được quan tâm đầu tư đúng mức về cơ sở và trang thiết bị nên đã hạn chế đến việc phòng và chữa bệnh tại chỗ. Còn 11 hợp tác xã chưa có nhà trẻ. Tỷ lệ đặt vòng tránh thai còn thấp.

Về giáo dục, huyện đã chú ý phát triển các ngành học và cấp học. Năm học 1973-1974, cấp I có 395 lớp với 17.163 học sinh đạt 90% kế hoạch được giao. Cấp II có 198 lớp với 9.229 học sinh đạt 95%. Mẫu giáo có 114 lớp với 2882 cháu đạt 90%. Vỡ lòng có 125 lớp với 3.605 cháu đạt 95%. Cấp III A có 15 lớp với 784 học sinh, trong đó có 144 học sinh lớp 10 vượt kế hoạch tỉnh giao. Cấp III B có 7 lớp với 394 học sinh (vượt kế hoạch). Bổ túc văn hoá cả 3 cấp (I, II, III) tổng số có 2.250 học viên.

Số lượng và chất lượng giáo dục phát triển chưa vững chắc: Năm học 1973-1974, số học sinh cấp I bỏ học là 194

em chiếm hơn 1%. Bổ túc văn hoá số học viên cũng thất thường. Số cháu từ 7 đến 13 tuổi chưa đi học còn tới 495 cháu, mới vận động được 112 cháu vào lớp 1 đặc biệt. Mẫu giáo phát triển chưa mạnh, mới chiếm 36% số cháu từ 3 đến 5 tuổi đi học, toàn huyện còn 17/54 hợp tác xã chưa có lớp mẫu giáo. Kết thúc năm học 1973-1974, thi tốt nghiệp cấp I đạt 90%, cấp II đạt 77,6%, cấp III đạt 70% cao hơn năm học 1972-1973 là 20%.

Để khắc phục những hạn chế của giáo dục, nhất là ngành học bổ túc văn hoá và mẫu giáo năm học 1973-1974, Huyện uỷ đã ra Nghị quyết đẩy mạnh công tác bổ túc văn hoá và xoá hợp tác xã trắng về mẫu giáo trong năm 1975. Mặc dù còn có nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, về điều kiện chất lượng, nhưng được các cấp uỷ Đảng quan tâm, chính quyền chỉ đạo sát sao, ngành giáo dục đã đạt được những cố gắng mới. Các ngành học, cấp học đều đạt và vượt kế hoạch, tiêu biểu là cấp I đã vận động mở 10 lớp đặc biệt đón 162 em trong độ tuổi bỏ học đến lớp. Giáo dục đã chú ý gắn học tập – lao động sản xuất với hoạt động chính trị. Các trường thực hiện nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, quan tâm đến con em liệt sỹ, thương, bệnh binh ở nơi có điều kiện như: Tiên Phong, Trác Văn, Tiên Yên đã mở lớp riêng, tạo điều kiện cho các em học tập, tu dưỡng tốt, không để hư hỏng, bỏ học. Chất lượng thi tốt nghiệp cuối cấp và lên lớp đạt trên 80%. Điều đáng phấn khởi với ngành bổ túc văn hoá là đã mở được các lớp tập trung, bán tập trung, thanh toán xong chương trình lớp 7 cho cán bộ chủ chốt huyện, xã.

Ngành văn hoá thông tin trong điều kiện khó khăn, thiếu phương tiện trang thiết bị nhưng vẫn cố gắng tìm nguồn sách, báo, phim ảnh, thông báo tin chiến thắng ngoài mặt trận và tình hình sản xuất ở địa phương kịp thời phục vụ nhân dân. 6 tháng đầu năm 1974, đội chiếu phim của huyện đã phục vụ vượt kế hoạch 8 buổi, vượt 10% về số lượt người xem, vượt 9% về doanh thu. Hiệu sách nhân dân đạt 63% về số lượng sách, đạt 90% về doanh thu. Thư viện nhập 428 quyển sách các loại. Đài truyền thanh phát tin được 428 buổi. Các đội tuyên truyền xung kích có 37/47 tổ hoạt động đều. Phong trào văn nghệ vẫn phát triển, có 16/23 đội hoạt động, biểu diễn được 56 buổi ước 23.000 lượt người xem với nội dung tuyên truyền chống phong tục tập quán, mê tín, dị đoan, đã phản ánh đúng thực tế ngoài xã hội, phát động quần chúng lên án những hành động xấu xa, nhằm xây dựng con người mới, cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức rõ nhiệm vụ của hậu phương xã hội chủ nghĩa đối với tiền tuyến, Huyện uỷ đã lãnh đạo các Đảng bộ, chi bộ thường xuyên quan tâm xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ở các địa phương, tổ chức học tập chính trị cho 140 cán bộ cơ sở, huấn luyện quân sự mùa xuân đạt kết quả cao, nhằm giáo dục cho anh chị em nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng lên đường đi chiến đấu. Năm 1974, toàn huyện đã động viên tiến đưa 326 thanh niên nhập ngũ bổ sung cho quân thường trực trong 3 đợt đạt 88% kế hoạch. Những xã vượt mức quân số là Mộc Bắc, Đội Sơn, Tiên Tân, xã huy động thấp là Duy Minh.

Rút kinh nghiệm năm 1974 giao thiếu 24 tân binh, năm 1975, Đảng bộ đã nêu quyết tâm: “hai đợt giao quân đầu năm sẽ

hoàn thành vượt mức chỉ tiêu cả năm”. Bằng nhiều biện pháp giáo dục, vận động các đoàn thể thanh niên phụ nữ, các tầng lớp nhân dân nâng cao tinh thần yêu nước kết hợp với tổ chức thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và tổ chức long trọng lễ giao quân, 2 tháng đầu năm đã vượt 9,7% kế hoạch cả năm. Người lên đường đi chiến đấu thấy niềm vinh dự, tự hào, người ở lại hậu phương cũng phấn khởi an tâm sản xuất và công tác, hậu phương thi đua với tiền phương.

Huyện đã chỉ đạo dựa vào đội thủy lợi 202 để xây dựng lực lượng dân quân, làm thí điểm ở xã Tiên Yên, sau đó triển khai nhân ra diện rộng. Công tác huấn luyện đã tổ chức ở 22 xã. Lực lượng tự vệ cũng được thành lập ở 4 cơ quan của huyện. Tiêu biểu cho phong trào xây dựng lực lượng quân sự địa phương là các xã: Trác Bút, Tiên Yên, Tiên Ngoại, Duy Minh, Tiên Phong và 3 đơn vị cơ quan gồm: X420, trại giống lúa, ga Đông Văn. Bên cạnh những xã khá, trong huyện cũng còn một số đơn vị yếu kém như: dân quân xã Chuyên Nội, Tiên Hải, Mộc Bắc. Huyện đội đã phối hợp với phòng thủy lợi huấn luyện cho dân quân 4 xã: Trác Văn, Chuyên Ngoại, Mộc Bắc, Bạch Thượng về công tác phòng chống lụt bão.

Huyện ủy thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra các Đảng bộ xã, hợp tác xã chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội. Các cơ sở đã chú ý sắp xếp, bố trí việc làm cho các gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh, gia đình có quân nhân ở chiến trường B,C chi trả trợ cấp kịp thời, đủ số lượng. Do việc thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội nên đã có tác dụng tích cực trong việc tuyển quân, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, vừa sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu tiền tuyến, vừa đẩy mạnh sản xuất giữ gìn trật tự an ninh ở địa phương.

Công tác xây dựng chính quyền của Đảng đã có sự cải tiến, trong 3 năm (1973-1975), Huyện uỷ đã thông qua chính quyền để thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có kết quả tốt như: việc tổ chức, quản lý, đơn đốc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục, công tác quân sự, trị an xã hội, đảm bảo đời sống của nhân dân nhất là những lúc khó khăn, thiếu đói lương thực do bão, lũ, lụt năm 1973. Nhưng cũng còn một số nhược điểm quan trọng: chưa thuyết phục được cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng vai trò của chính quyền, còn hiện tượng coi nhẹ và hạ thấp vai trò của Hội đồng nhân dân, hiện tượng coi thường pháp luật và vi phạm pháp luật còn xảy ra ở nhiều địa phương. Chưa hiểu rõ chức năng nhiệm vụ và phương thức lãnh đạo của chính quyền nên có tình trạng vừa buông lỏng, vừa bao biện, chông chéo, lẫn lộn giữa Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính và ban nông nghiệp huyện.

Các đoàn thể quần chúng bao gồm: Mặt trận Tổ quốc, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, phụ lão, nông dân tập thể được Đảng bộ quan tâm hơn trước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các đoàn thể từ huyện tới xã được củng cố về tổ chức, cán bộ được đi dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Bám sát vào nhiệm vụ chính trị, các đoàn thể đã thực hiện tốt một số mặt công tác.

Tích cực giáo dục cho đoàn viên, Hội viên về tình hình nhiệm vụ mới và đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đã chú ý đến tất cả các đối tượng như: tăng ni, Phật tử, các linh mục, tín đồ tôn giáo là những thành viên của Mặt trận Tổ quốc, được đi bồi dưỡng, học tập sau đó về tuyên truyền cho các tín đồ.

Đối với thanh niên, phụ nữ công tác giáo dục chính trị tư tưởng gắn liền với phát động thi đua hành động cách mạng, đưa đoàn viên, hội viên đi đầu trong lao động sản xuất. Năm 1975, các đoàn thể liên tục phát động phong trào, do vậy không khí thi đua luôn sôi động.

Toàn huyện có 18.461 thanh niên, trong đó có 4.221 đoàn viên thanh niên lao động Hồ Chí Minh. Lực lượng hậu bị này được xác định là mũi nhọn của các hợp tác xã nông nghiệp trong công việc: cấy, cây, làm bèo dâu, làm thuỷ lợi...vụ chiêm xuân 1975, chỉ riêng 3.010 đoàn viên đã làm được 16.000 mẫu bèo dâu đạt 80% kế hoạch tỉnh giao, trong đó có 95 đoàn viên đạt từ 15 đến 20 mẫu. Trong 1.866 đội viên đội thuỷ lợi 202 thì có 1.232 đoàn viên thanh niên. Đoàn còn phát động phong trào thâm canh, nhiều chi đoàn đã cắm thẻ nhận ruộng xấu để chăm bón thành ruộng tốt.

Hội phụ nữ đã phát động hàng vạn hội viên quyết tâm cấy kịp thời vụ, đúng kỹ thuật. Hội đã kết hợp với Ủy ban nông nghiệp huyện tập huấn cấy kiểu mới cho phụ nữ, do đó tốc độ cấy nhanh gọn hơn năm 1974.

Trong 2 tháng đầu năm, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ đã tập trung làm tốt công tác vận động tuyển quân gây được khí thế sôi động và niềm tự hào cho thanh niên hăng hái lên đường đánh Mỹ vượt 9,7% kế hoạch. Các đoàn thể còn tích cực vận động hội viên thực hiện nếp sống văn hoá mới, tổ chức ma chay, cưới hỏi theo quy ước đã có tác dụng thiết thực bài trừ hủ tục mê tín dị đoan. Lực lượng thanh niên còn tham gia bảo vệ sản xuất và trật

tự trị an nông thôn. Các cụ phụ lão tích cực trồng cây và giáo dục con cháu ngoan, vui vẻ lên đường tòng quân.

Hội nông dân tập thể huyện đã xác định rõ phương hướng nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Phối hợp với các hợp tác xã nông nghiệp từng bước gắn chặt kế hoạch sản xuất với cấp huyện, với Nhà nước nhằm đóng góp ngày càng nhiều lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, lao động, hàng hoá xuất khẩu. Vận động xã viên đẩy mạnh 3 cuộc cách mạng áp dụng nhanh các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất nhằm phá thế độc canh, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất xã hội chủ nghĩa. Động viên nông dân thi đua sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hăng hái đi xây dựng, phát triển kinh tế văn hoá miền núi, kết hợp kinh tế với quốc phòng làm giàu cho đất nước.

Hoạt động của các đoàn thể quần chúng tuy đã giành được nhiều kết quả nhưng cũng còn một số mặt hạn chế như: cơ sở vật chất còn nghèo, một số đoàn thể chưa được củng cố, có nơi cấp uỷ chưa thật sự quan tâm lãnh đạo các đoàn thể, công tác sơ kết, tổng kết, động viên khen thưởng không kịp thời, nhiều hội viên chưa thực sự gương mẫu chấp hành điều lệ của hội, chính sách pháp luật của Đảng và Chính phủ, còn nợ đọng sản phẩm của tập thể, con em trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

Cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, nhiệm vụ chính trị của Đảng, công tác xây dựng Đảng đã có những chuyển biến tích cực.

Về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, năm 1973, Đảng bộ tiếp tục mở các đợt học tập về các Nghị quyết 21,22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III, Nghị quyết 225,228 của Bộ



Chính trị, Nghị quyết 10 của Tỉnh uỷ và những đợt thông báo tình hình thời sự. Năm 1974, Huyện uỷ mở các lớp tại chức bồi dưỡng 13 chuyên đề trong chương trình sơ cấp chính trị cho 1.351 đảng viên ở 19 đảng bộ xã, chiếm 72% số đảng viên phải học và 512 cán bộ, đảng viên ở các chi bộ cơ quan.

Đặc biệt năm 1975, là năm có nhiều sự kiện chính trị quan trọng, tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của cán bộ đảng viên. Huyện uỷ, Đảng uỷ các xã, chi bộ các cơ quan đã tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị từ huyện xuống xã, từ trong Đảng ra quân chúng, chú ý bồi dưỡng đường lối, chính sách cho cán bộ cơ sở và hợp tác xã. Quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết 23,24, Chỉ thị 208 của Ban Chấp hành Trung ương và thảo luận bài nói chuyện của các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh trong dịp mừng chiến thắng, đồng thời thảo luận đề án Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Cán bộ đảng viên trong huyện hiểu rõ được tình hình và nhiệm vụ cách mạng của Đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Tổ quốc.

Phong trào học tập có nhiều tiến bộ, không những học chính trị mà cả văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ. Nhiều xã có trường bổ túc văn hoá tập trung, cán bộ chủ chốt xã, hợp tác xã luân phiên đi học. Năm 1975, toàn huyện có 1.203 học viên, 160 đồng chí theo học ngành kỹ thuật, quản lý; 143 đồng chí đi học trường Đảng từ 45 ngày đến 6 tháng và 452 đảng viên tham gia học 5 bài về xây dựng Đảng.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, trình độ của đa số đảng viên chưa theo kịp, kể cả một số lãnh đạo của huyện, xã và hợp tác xã. Nhiều đảng viên giác ngộ về Đảng, về giai cấp còn hạn chế. Năng lực về tổ chức lãnh đạo còn lúng túng,

kiến thức về khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế còn thấp. Ý thức chấp hành đường lối, nghị quyết, chỉ thị chưa nghiêm, còn biểu hiện tùy tiện, cục bộ. Một số ít đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức, thiếu tín nhiệm với quần chúng.

Để khắc phục những tồn tại về công tác chính trị, tư tưởng, về chấp hành đường lối, chính sách Đảng bộ đã tiến hành củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng và công tác đảng viên cho phù hợp với địa bàn, điều kiện sản xuất ở nông thôn, chi bộ được tổ chức theo mô hình luỹ tre xanh, hợp tác xã và đội sản xuất ở những nơi có hợp tác quy mô toàn xã. Thành lập chi bộ y tế, giáo dục, mua bán, đội thủy lợi 202 và chi bộ chăn nuôi riêng nên đã phát huy được tác dụng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị cụ thể hơn.

Toàn Đảng bộ có 22 Đảng bộ xã và 1 Đảng bộ an dưỡng thương binh Nam Hà, 36 chi bộ cơ quan hành chính sự nghiệp, xí nghiệp, trường học, 148 chi bộ nhỏ ở nông thôn và đội sản xuất, có 602 tổ Đảng trong đó ở nông thôn có 324 tổ và 44 chi bộ thuộc đội sản xuất. Đến cuối năm 1974, vẫn còn 103 đội không có tổ Đảng còn phải sinh hoạt ghép với các tổ khác:

Nhìn chung công tác kiện toàn củng cố tổ chức cơ sở Đảng có nhiều tiến bộ song từng lúc, từng chi bộ cũng vẫn còn những khiếm khuyết: tình trạng mất đoàn kết nội bộ ở một số chi bộ chậm giải quyết còn để kéo dài, do đó đã ảnh hưởng đến công tác. Sinh hoạt Đảng chất lượng còn thấp, một số Đảng bộ, chi bộ yếu kém chưa đưa sinh hoạt vào nền nếp, nội dung sinh hoạt chưa rõ, thường chỉ bàn công việc trước mắt một cách chung chung, không phân công phụ trách cụ thể. Việc thành lập các chi bộ theo

đội sản xuất, theo chuyên môn chưa phát huy được tác dụng lãnh đạo kịp thời.

Các cấp uỷ Đảng đã phân công cấp uỷ và cán bộ xuống các chi bộ yếu kém, tập trung giúp đưa sinh hoạt đảng vào nền nếp, đấu tranh phê bình và tự phê bình để giải quyết tình trạng mất đoàn kết nội bộ, sắp xếp bộ máy, ổn định tổ chức, xử lý những đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng.

Quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương về nâng cao chất lượng đảng viên, kết hợp với nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao chất lượng cán bộ kết hợp với kiện toàn cơ quan lãnh đạo từng cấp, từng ngành. Đảng bộ đã tiến hành đợt sinh hoạt phê bình và nhận xét đánh giá đảng viên đạt kết quả tốt. Nhìn chung tinh thần trách nhiệm trong công tác, lao động sản xuất, đấu tranh giữa tích cực và tiêu cực, giữa tiến bộ và lạc hậu, nhất là ngăn ngừa và sửa chữa khuyết điểm đã có chuyển biến rõ. Số đảng viên làm sai chính sách, nợ sản phẩm hợp tác xã, lười sinh hoạt Đảng, giao công tác không nhận đã hạn chế nhiều. Tệ đi muộn, về sớm, nghỉ việc tùy tiện trong cơ quan, tham ô, lợi dụng lấy nguyên vật liệu ở hợp tác xã nông nghiệp và các cơ quan Nhà nước, việc mua bán hàng hoá ngoài chế độ, móc ngoặc, cửa quyền được phê phán, ngăn ngừa có hiệu quả.

Huyện uỷ đã có hướng dẫn cụ thể giải quyết, nâng cao chất lượng đảng viên trung bình, các đồng chí cấp uỷ đã trực tiếp chỉ đạo những xã và cơ quan được phân công phụ trách. Các ban tổ chức, kiểm tra, tuyên huấn, khoa giáo đã tích cực giúp cấp uỷ đôn đốc thực hiện. Kết quả đạt được như sau:

Năm 1974, số đảng viên tích cực công tác ở cơ sở Đảng mới có 30 đến 50%. Số đảng viên trung bình từ 45 đến 50%. Số đảng viên kém và quá kém vẫn còn 12 đến 15%.

Năm 1975, đảng viên hiện có trong Đảng bộ là 3.230 đồng chí, trong đó nữ có 1.036 bằng 33%, đảng viên là công giáo có 63 đồng chí bằng 0,5%, là đoàn viên thanh niên lao động có 469 đồng chí bằng 13%. Đảng viên ở nông thôn có 2.444, ở cơ quan xí nghiệp có 586 đồng chí. Trình độ về chính trị đã có 435 đồng chí học chương trình cơ sở, 253 đồng chí học chương trình sơ cấp và 73 đồng chí học xong chương trình trung cấp lý luận. Trình độ văn hoá cấp I có 1.165 đồng chí, bằng 30%, cấp II có 1.718 đồng chí đạt trên 50% và 295 đồng chí có trình độ cấp III. Cả huyện chỉ có 58 đồng chí đã và đang đi học đại học, chủ yếu là giáo viên, ở lĩnh vực công nông nghiệp chỉ có 6 đồng chí.

Qua phân loại cuối năm, số đảng viên tích cực chiếm 50% so với năm 1974 tăng trên 18%. Số đảng viên trung bình chiếm 38%, so với năm 1974 giảm từ 7 đến 12%. Số đảng viên cần phải xem xét chiếm 6% tổng số đảng viên so với năm 1974 giảm trên 6%.

Việc nhận xét, phân loại đảng viên của một số cơ sở chưa thật chính xác. Nơi Đảng bộ hoàn thành nhiệm vụ chính trị khá như: Tiên Nội, đảng viên tích cực chỉ chiếm có 20,7%, trong khi đó đảng viên trung bình lại chiếm 46,2%, đảng viên cần xem xét chiếm 16,1%. Nơi hoàn thành nhiệm vụ chính trị thấp như: Đảng bộ Duy Hải, tỷ lệ đảng viên tích cực lại chiếm tới 56%. Một vấn đề quan trọng đáng lưu ý là sau khi nhận xét, đánh giá đảng viên, một số cấp uỷ chưa có kế hoạch cụ thể để giải quyết đối với đảng viên

trung bình và yếu kém. Vì thế không những không nâng được số đảng viên trung bình lên tích cực mà còn làm giảm số đảng viên từ tích cực xuống trung bình như: Đảng bộ Tiên Hiệp 13, Trác Bút 14, Trác Văn 17, Mộc Nam 11, Tiên Phong 10 đồng chí.

Công tác phát triển đảng viên chưa được coi trọng cả về số lượng và chất lượng, có lúc kết nạp vào đảng nhiều người không đủ tiêu chuẩn, nên số này không phát huy được tác dụng lãnh đạo, một số đảng viên mới kết nạp khi xét chuyển chính thức không đủ điều kiện phải kéo dài thời gian dự bị hoặc xoá tên. Năm 1974, toàn huyện chỉ kết nạp được 2 đảng viên mới ở cơ quan. Nhiều chi bộ 4 đến 5 năm không phát triển được đảng viên nào. Cuộc vận động kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh, số lượng và chất lượng còn yếu. Có đợt chỉ kết nạp được 1 đồng chí (đợt 19/5/1971). Số đảng viên được kết nạp chủ yếu ở các cơ quan, xí nghiệp. Trong 5 năm 1971-1975, toàn Đảng bộ chỉ kết nạp được 43 đảng viên mới. Riêng năm 1975, kết nạp được 6 nhưng đã đưa ra khỏi Đảng 101 đảng viên, chiếm 3,7% tổng số đảng viên, trong đó khai trừ 37 đảng viên, đưa ra bằng các hình thức khai trừ, lưu đảng là 64 trong đó có 15 đảng uỷ viên, chi uỷ, còn lại là đảng viên. Đây là một vấn đề mất cân đối rất nghiêm trọng giữa phát triển và xử lý kỷ luật mà Đảng bộ cần phải quan tâm giải quyết.

Nguyên nhân của việc kết nạp đảng viên chất lượng không bảo đảm, số lượng lại quá ít là do nhận thức của các cấp uỷ chưa thấy hết kết nạp đảng viên mới là quy luật khách quan, chưa làm cho đảng viên thấy trách nhiệm của mình phải làm công tác phát triển Đảng, còn có tư tưởng bảo thủ, hẹp hòi, thiếu trách nhiệm, không kiên trì giáo dục, bồi dưỡng những quần chúng

tích cực, làm cho quần chúng giảm sút ý chí phấn đấu. Thứ hai, các cấp uỷ chưa thông qua phong trào cách mạng của quần chúng, nhất là phong trào của đoàn thanh niên để phát hiện những người tiên tiến mà giáo dục, bồi dưỡng họ hiểu rõ về truyền thống của của giai cấp công nhân, về mục tiêu lý tưởng của Đảng. Thứ ba, việc phân công đảng viên theo dõi giúp đỡ quần chúng chưa tốt, việc hướng dẫn các thủ tục kết nạp đảng phải làm lại nhiều lần, có trường hợp kéo dài hàng năm, cũng đã làm giảm nhiệt tình của quần chúng vào Đảng.

Trong quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy, Huyện uỷ đã chỉ đạo thống nhất, căn cứ theo tinh thần Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương, số lượng cần thay đổi và “đổi mới một bộ phận trong cấp uỷ” được thực hiện. Chất lượng của Ban Chấp hành huyện, xã qua các kỳ Đại hội được nâng lên: Đối với Huyện uỷ, số lượng trước Đại hội là 23 đồng chí, sau Đại hội vẫn giữ nguyên 23 đồng chí nhưng chất lượng có thay đổi. Số cấp uỷ có độ tuổi dưới 40 và có trình độ đại học tăng lên. Trước Đại hội có 3 đồng chí dưới 40 tuổi và 3 đồng chí có trình độ đại học; sau Đại hội số đồng chí tuổi dưới 40 tăng lên 6, số đồng chí có trình độ đại học tăng lên 5. Kết quả bầu cử ở 21 ban Đảng uỷ có 231 đồng chí cấp uỷ viên, số mới được bầu vào là 75 đồng chí bằng 32,5%, trong đó có 70% tuổi trẻ, có sức khoẻ, có trình độ văn hoá, kỹ thuật và năng lực tổ chức thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong 3 năm 1973-1975 phong trào mọi mặt của huyện Duy Tiên chuyển biến đáng phấn khởi, đã sớm ổn định được đời sống, nhanh chóng phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm của quần chúng được liên tục với

khí thế sôi nổi, tinh thần tự lực, tự cường, không trông chờ, ỷ lại. Đặc biệt qua học tập Điều lệ hợp tác xã, Nghị quyết 225, quần chúng bước đầu đã có ý thức tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong sản xuất và đời sống, góp phần giữ vững an ninh trật tự xã hội.

Nhờ có phong trào lao động sản xuất, đã đẩy mạnh việc phục hồi các cơ sở do trận lụt năm 1973 gây nên và xây dựng thêm một số cơ sở vật chất cho nông nghiệp như kiến thiết đồng ruộng, nhà kho, sân phơi, trường lớp học và các công trình phúc lợi chung. Nhân dân trong huyện đã giành được những thắng lợi to lớn, toàn diện. Trên mặt trận kinh tế, có thể nói năm 1974 là năm có nhiều chỉ tiêu về nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp và các ngành khác đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch, nhất là cây lúa đạt năng suất 56 tạ/ha, vượt 29,1%, tổng sản lượng đạt 35.748 tấn, vượt 32,4% và vượt xa các năm trước đây. Cây mía, con lợn cũng đều vượt kế hoạch và vượt các năm trước. Đóng góp nghĩa vụ lương thực với Nhà nước đạt 8.300 tấn, cũng là năm cao nhất so với nhiều năm cả về lương thực và giá trị nông sản hàng hoá. Tích lũy của hợp tác xã và xã viên cũng tăng lên.

Việc củng cố và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Công tác quản lý lao động, quản lý vật tư, tiền vốn có tiến bộ mới, nhiều hợp tác xã đã đi vào quản lý theo chế độ hạch toán thống nhất.

Gắn liền với thắng lợi về phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá – xã hội cũng có chuyển biến tốt, được đầu tư mạnh về cơ sở vật chất. Công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em, sinh đẻ có kế hoạch đã được chú ý hơn.

Phát huy thắng lợi năm 1974, bước sang năm 1975, Đảng bộ đã có nhiều cố gắng, nỗ lực phấn đấu đẩy mạnh việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất giành năng suất cao. Đẩy mạnh phong trào tòng quân nhập ngũ, phong trào vận động nhân dân đi xây dựng kinh tế văn hoá miền núi, kết hợp xây dựng kinh tế với quốc phòng, tạo thế trận mới, niềm tin mới, vững bước tiến lên tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Kết thúc chặng đường lịch sử hơn 20 năm (1955-1975), Đảng bộ huyện Duy Tiên được củng cố và trưởng thành nhanh chóng, đã tập trung sức lãnh đạo, động viên các tầng lớp nhân dân trong huyện quyết tâm khắc phục khó khăn, gian khổ, kiên cường đấu tranh chống thiên tai, địch hoạ, thi đua phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng thời kỳ cách mạng.

Từ năm 1955 đến năm 1957, Đảng bộ đã vận dụng sáng tạo đường lối phát triển kinh tế của Trung ương vào điều kiện cụ thể của huyện, lãnh đạo nhân dân tiến hành khôi phục, cải tạo kinh tế. Thực hiện triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất, xoá bỏ tận gốc giai cấp địa chủ phong kiến bóc lột, đem lại ruộng đất cho nông dân, nâng địa vị từ thân phận tá điền làm thuê trở thành người làm chủ, xây dựng tổ đổi công, từng bước đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

Trong những năm 1958-1960, toàn huyện thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, từng bước phát triển kinh tế, văn hoá. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế đạt được kết quả tốt đẹp, cuối năm 1960, phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp cơ bản được hoàn thành, có hơn 90% số hộ nông



dân tham gia. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập, làm tăng thêm tình đoàn kết gắn bó giữa người với người trong sản xuất, trong phân công lao động và phân phối sản phẩm, đã thúc đẩy kinh tế phát triển, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữ vững trật tự an ninh trong thôn xóm.

Thời kỳ 1961-1965, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Đảng bộ đã xác định lấy việc phát triển nông nghiệp là trọng tâm, tiếp tục cải tạo và phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ 4 tốt, chi bộ 3 nhất ở nông thôn đủ sức lãnh đạo phong trào hợp tác hoá, đảm bảo hoàn thành kế hoạch Nhà nước. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.

Trong 10 năm (1965-1975) là thời kỳ gian khổ nhất, ác liệt nhất nhưng cũng vẻ vang nhất. Hai lần phải chuyển hướng nhiệm vụ từ thời bình sang thời chiến, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân Duy Tiên nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy truyền thống cách mạng, vượt qua mọi khó khăn để sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống lại 2 cuộc chiến tranh phá hoại tàn bạo của không quân Mỹ trong những năm 1965-1968 và 1972, quyết tâm bảo vệ miền Bắc, xây dựng hậu phương xã hội chủ nghĩa vững mạnh, dồn sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, với tinh thần “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Nhiều phong trào thi đua có nội dung phong phú, thiết thực đạt hiệu quả cao như: “3 sẵn sàng” của thanh niên, “3 đảm đang” của phụ nữ, “Ba giỏi” của phụ lão, “con gà chống Mỹ của thiếu niên”...cùng chung một ý chí sắt đá, “tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”

Nhiều nơi thanh niên nhập ngũ lên đường đi chiến đấu đạt tỷ lệ cao so với dân số trong xã như: Tiên Hải chiếm 20%, Tiên

Ngoại chiếm 18%, Duy Minh, Tiên Phong 17%, trong khi chỉ tiêu huy động chung toàn huyện là 11,2%. Riêng Trác Bút là xã có đông đồng bào công giáo đã chuyển biến tích cực, thời kỳ chiến tranh phá hoại chỉ có 8 thanh niên công giáo nhập ngũ, đến năm 1975 đã có 48 chiến sĩ.

Tiêu biểu nhất về tinh thần đóng góp người, của cho tiền tuyến là hợp tác xã Vũ Lương (Tiên Yên) có tới 97% gia đình có một con trai là lao động duy nhất tòng quân. Nhiều gia đình có năm, sáu con trai và 1 cháu nội đi đánh Mỹ như gia đình ông Dương xã Duy Minh, ông Hằng xã Trác Văn có 5 người, gia đình ông Ka ở Tiên Nội cả 2 cha con, anh Thắng ở Tiên Yên cả 2 vợ chồng cùng chiến hào đánh Mỹ. Hai anh em trai Điệp, Thọ ở Tiên Yên; Chiến và Thành ở Duy Minh cùng nhập ngũ một ngày. Phụ nữ không những tham gia dân quân, du kích ở địa phương, các đơn vị thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến mà còn tình nguyện phục vụ trong các đơn vị bộ đội ở khắp mọi chiến trường. Hầu hết thanh niên Duy Tiên lên đường làm nhiệm vụ đều lập công xuất sắc, được tặng nhiều danh hiệu “dũng sỹ diệt Mỹ”, “dũng sỹ diệt nguy”...Tiêu biểu là anh hùng Nguyễn Văn Giăng xã Tiên Ngoại đã được Nhà nước tuyên dương Anh hùng quân đội.

Hai mươi năm, một thời hoà bình, một thời bom đạn, mồ hôi và xương máu của các tầng lớp nhân dân trong huyện, của các anh hùng liệt sỹ đã tô thắm thêm truyền thống bền bỉ, cần cù trong lao động sản xuất, kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu, mãi mãi là niềm tự hào, là động lực để Đảng bộ lãnh đạo nhân dân Duy Tiên tiếp tục thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**PHẦN THỨ BA**  
**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN DUY TIÊN CÙNG**  
**CẢ NƯỚC THỰC HIỆN 2 NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC**  
**XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC; TIẾN HÀNH**  
**CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975- 2005)**

**CHƯƠNG V**

**KHÔI PHỤC VÀ ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT BẢO ĐẢM**  
**ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN GÓP PHẦN VÀO**  
**CÔNG CUỘC CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TỔ QUỐC**  
**XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975-1985)**

**I-Khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tham gia bảo vệ**  
**Tổ quốc (1975-1980)**

Cuộc tiến công và nổi dậy Mùa xuân năm 1975, với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đem lại thắng lợi hoàn toàn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, thống nhất hai miền Nam Bắc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi đó còn mang lại những giá trị tinh thần vô cùng quý giá, đó là cổ vũ mạnh mẽ nhân dân cả nước đoàn kết chặt chẽ, trên dưới một lòng, phấn khởi vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần quyết chiến, quyết thắng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ giai đoạn cách mạng mới đặt ra trước Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên là phải khai thác mọi tiềm năng vốn có về đất đai, lao động, cơ sở vật chất đồng thời tích cực khắc

phục hậu quả của chiến tranh, từng bước phát triển kinh tế xã hội, xây dựng quê hương Duy Tiên ngày càng giàu mạnh.

Đảng bộ đã đề ra những biện pháp chủ yếu năm 1975 là: Tiếp tục phát động phong trào thi đua lao động sản xuất thật sôi nổi, liên tục và mạnh mẽ ở tất cả các ngành, các địa phương, các cơ sở, quản lý chặt chẽ và sử dụng tốt lao động, khai thác và sử dụng tốt khả năng tiềm tàng về ruộng đất, vật tư, thiết bị hiện có, để nâng cao năng xuất lao động, tạo thêm nhiều sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi. Trên cơ sở nắm vững chủ trương “công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ quá độ”, toàn Đảng, toàn dân Duy Tiên tập trung vào việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hoàn chỉnh thủy nông, chủ động giống, phân, tăng nhanh công cụ vận chuyển, mở rộng sân phơi, nhà kho và cơ sở thức ăn cho lợn, áp dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc cách mạng xanh như giống mới, phân bón vào sản xuất. Thực hiện phương châm “ không để một người không có việc làm, một thửa ruộng mảnh vườn bỏ hoang hoá, một hồ ao không thả cá, một chiếc máy không chạy, một cân nguyên liệu bị lãng phí”.

Bước sang năm 1976, năm có một vị trí rất quan trọng, năm mở đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ hai, là năm có nhiều sự kiện lịch sử như hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời; Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng thành công rực rỡ; là năm Đảng và Chính phủ thực hiện nhiều chỉ thị, nghị quyết về chủ trương, đường lối cách mạng trong thời kỳ mới trên phạm vi cả nước. Với sự phấn khởi chung của cả nước, dưới sự

lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh, tháng 10/1976, Đại hội Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XIII được tổ chức.

Đại hội đã bầu 19 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, đồng chí Nguyễn Chính Thiện được bầu làm Bí thư huyện uỷ.

Đứng trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới, sau khi tiếp thu tinh thần cải tiến và đổi mới công tác kế hoạch hoá; trên cơ sở phát huy tiềm năng và thế mạnh hiện có của huyện; quán triệt và vận dụng các quan điểm đường lối chính sách của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Đảng bộ đã xác định phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội 5 năm 1976-1980 là: tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, chuyên canh tích cực mở rộng diện tích bằng cách tăng vụ, tận dụng đất đai, tăng nhanh sản lượng lương thực và cây công nghiệp, đẩy mạnh chăn nuôi lợn, cá, trâu bò và gia cầm. Phát triển mạnh ngành nghề, chủ yếu là hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Phát triển công nghiệp địa phương. Tổ chức và phân công lại lao động, cải tiến chế độ quản lý. Không ngừng tăng nhanh năng suất lao động, để từng bước đưa huyện Duy Tiên thành đơn vị kinh tế nông công nghiệp thích hợp, với mục tiêu chủ yếu đạt được đến hết năm 1980 là:

-Năng suất lúa đạt 47 tạ/ha 2 vụ.

-Bình quân toàn huyện có từ 20 đến 30 con lợn/ha gieo trồng.

-Một lao động làm 0,5ha gieo trồng.

-Phấn đấu đạt tổng sản lượng lương thực quy thóc 34.780 tấn với tổng đàn lợn 36.000 con.

-Tổng giá trị sản lượng công nghiệp tiểu thủ công nghiệp đạt 6,78 triệu đồng. Đóng góp cho Nhà nước 6500 tấn lương thực, 670 tấn thịt hơi, 380 tấn đay bẹ, 19.000 tấn mía cây.

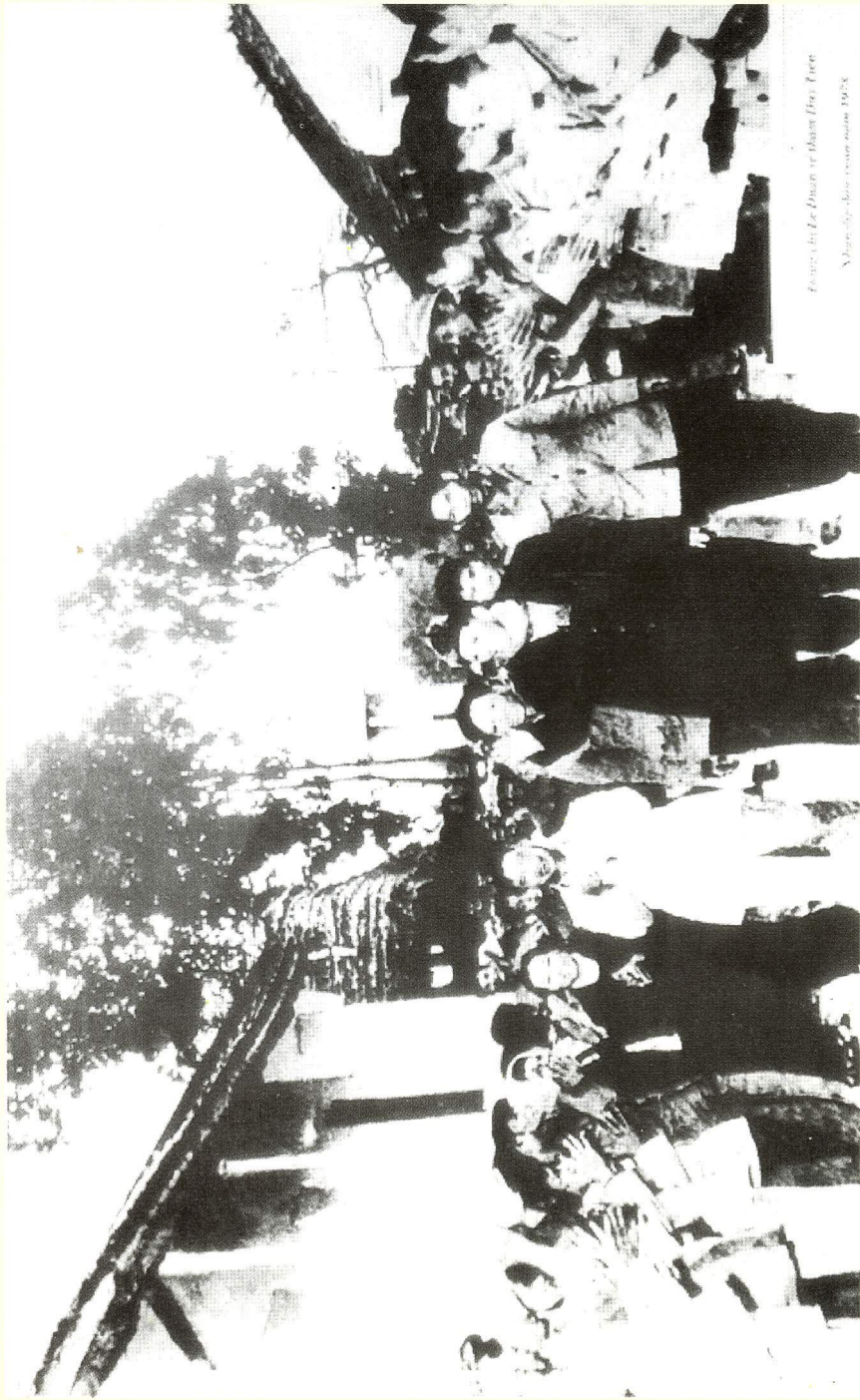
- Giảm tỷ lệ phát triển dân số xuống 1,5%.

- Bảo đảm mức ăn lương thực bình quân trên đầu người 16kg/tháng.

Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu đó, Đảng bộ đã động viên cao độ sức lực của Đảng bộ và nhân dân toàn huyện, phấn đấu với quyết tâm cao nhất, giành thắng lợi lớn nhất trong mọi hoàn cảnh, để bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp ở Duy Tiên.

Trong 5 năm 1976-1980, được sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Tỉnh uỷ và sự giúp đỡ của các ngành cấp trên, mặc dù trong hoàn cảnh đất nước và địa phương có nhiều khó khăn chồng chất và nghiêm trọng do hậu quả của các cuộc chiến tranh và thiên tai gây ra. Nhưng với ý chí cách mạng tiến công, tinh thần làm chủ tập thể, truyền thống tự lực tự cường, Huyện uỷ Duy Tiên đã lãnh đạo nhân dân thực hiện có hiệu quả các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.

Trong sản xuất nông nghiệp, do xác định đúng đắn vấn đề lấy lương thực, thực phẩm làm trọng tâm, lấy cơ giới hoá làm nhiệm vụ trung tâm, đồng thời phát triển nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ và vững chắc, năm 1976, Huyện uỷ đã ra các Nghị quyết 01, 02, 03, cụ thể hoá bằng các chỉ tiêu, biện



Đông chí Lê Duẩn và thân Đức Tiên  
Vào dịp đầu xuân năm 1978

## Đông chí Tổng bí thư Lê Duẩn về thăm Duy Tiên năm 1978

pháp, tập trung lãnh đạo tổ chức thực hiện chiến dịch Hà Nam Ninh với 6 mũi tiến công và 5 khâu quyết định, tạo ra khí thế thi đua sôi nổi liên tục và đều khắp trong toàn huyện. Từ đó, trong sản xuất nông nghiệp cả trồng trọt và chăn nuôi đều đạt kết quả khá. 14 hợp tác xã đạt chỉ tiêu từ 5 tấn thóc trở lên; có 6 hợp tác xã đạt trên 6 tấn thóc/ha gieo trồng là Yên Bắc, Châu Giang, Mộc Bắc, Trác Văn, Mộc Nam và Tiên Hải. Huyện Duy Tiên là huyện dẫn đầu về năng suất lúa của 8 huyện phía Bắc tỉnh.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng thâm canh, toàn diện, thực hiện một bước chuyên canh tăng vụ, tạo ra một bước chuyển biến vươn lên, đồng đều ổn định vững chắc về sản xuất lương thực và thực phẩm. Các hợp tác xã đã tích cực mở rộng diện tích bằng cách san lấp hồ ao, tận dụng thùng đào, thùng dậu, ruộng đất hoang hoá, thu hồi ruộng đất bị lấn chiếm đưa vào sản xuất tập thể. Đặc biệt, coi trọng mở rộng diện tích vụ đông. Đưa giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất, kiên quyết loại bỏ giống đã thoái hoá. Phát động phong trào thi đua sản xuất, chống khoán hộ, cho mượn ruộng.

Trong quá trình thực hiện chủ trương sản xuất nông nghiệp, gặp nhiều khó khăn do thiên tai xảy ra liên tiếp. Nghiêm trọng nhất là vụ mùa năm 1978, mưa lũ lớn tưởng chừng đe vỡ, Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên qua 14 ngày đêm lăn lộn đã giữ được đê, bảo vệ được lúa mùa, bảo vệ được tính mạng và tài sản của nhân dân được Chính phủ tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba.

Tuy nhiên, sản lượng các cây chủ yếu không đạt kế hoạch, tổng sản lượng lương thực năm 1977 là 31.459 tấn đạt



80,2% kế hoạch, năm 1978 được 28.157 tấn đạt 71,81 % kế hoạch; trong đó lúa được 29.574 tấn đạt 83% kế hoạch; 1979: 24580 tấn đạt 68,85% kế hoạch; mía năm 1977: 21.492 tấn đạt 97,8% kế hoạch, năm 1978: 18.816 tấn đạt 85,52% kế hoạch; Riêng năng suất đay tăng lên, năm 1977: 355 tấn đạt 118% kế hoạch.

Vụ chiêm xuân 1979-1980 gặp rét đậm kéo dài trà lúa sớm bị chết tới 70%, Đảng bộ đã chỉ đạo tận dụng mọi biện pháp cấy hết diện tích. Các hợp tác xã tiếp tục mua thóc giống, khẩn trương gieo mạ trên nền dước, trên nền đất cứng và gieo thẳng bảo đảm kịp thời vụ. Tiếp đó, vụ mùa năm 1980, úng lụt nhiều đợt, cơn bão số 4 làm cho 90% diện tích lúa mới cấy bị ngập trắng, vừa kịp khắc phục hậu quả thì cơn bão số 6 và 3 đợt áp thấp ập đến, lúa lại chìm trong biển nước. Toàn Đảng bộ một lần nữa dồn sức chống úng cứu lúa. Kết quả 69,36 % diện tích được thu hoạch, nhưng đây là một sự nỗ lực phi thường của Đảng bộ và nhân dân trong toàn huyện, khẳng định sự lãnh đạo chủ động, vững vàng của Đảng bộ, sự cần cù bền bỉ và tinh thần dũng cảm chiến đấu chống thiên tai của nhân dân trong huyện.

Mặc dù khó khăn, nhưng từ năm 1978 đến 1980, Duy Tiên vẫn là huyện có năng suất lúa đứng thứ 5 toàn tỉnh Hà Nam Ninh. Tổng diện tích gieo trồng bình quân 5 năm 1976-1980 lên 16.165 ha, tăng 741ha, bằng 4,8% so với 5 năm 1971-1975. Diện tích cây lương thực bình quân 5 năm 1976-1980 đạt 14.761 ha, tăng 1412 ha so với bình quân 5 năm 1971-1975. Diện tích lúa, ngô, khoai nhai chung ổn định. Tổng giá trị sản lượng nông nghiệp bình quân 5 năm 1976-

1980 so với bình quân 5 năm 1971-1975 tăng 10% ( từ 20.931.000 đồng lên 23.046.00 đồng). Năng suất lúa bình quân từ 42,96 tạ/năm lên 43,76 tạ/năm, tăng 1,8%. Sản xuất vụ đông có tiến bộ nhảy vọt cả về diện tích, năng suất, sản lượng. Đặc biệt, sản lượng khoai lang tăng 24,8%, khoai tây tăng gấp 15,9 lần so với trước. Sản lượng các loại cây công nghiệp nhìn chung có xu thế giảm, riêng cây đay tăng gấp 2,4 lần.

Phong trào chăn nuôi vẫn tiếp tục phát triển theo hướng toàn diện bao gồm các loại gia súc gia cầm như trâu bò, lợn, cá, gà, vịt, ngan, ngỗng. Đàn lợn phát triển ổn định. Tổng đàn lợn toàn huyện bình quân 5 năm 1976-1980 là 33.029 con, tăng 2.158 con bằng 7,1% so với bình quân 5 năm 1971-1975. Trong 2 năm 1977-1978, do thiên tai trồng trọt gặp nhiều khó khăn nên chăn nuôi cũng ảnh hưởng theo. Thức ăn thiếu nghiêm trọng nhưng huyện đã cố gắng giữ vững đàn lợn năm 1977 đạt 30.525 con, năm 1978 đạt 32.178 con. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp đã tích cực tổ chức chăn nuôi tập thể theo hướng tập trung, chuyên canh có quy mô từ 500 đến 1000 con, tăng tỷ lệ lợn lai kinh tế từ 10% năm 1977 lên 25 % năm 1978. Hợp tác xã Mộc Nam đã nêu điển hình tốt về quản lý trại chăn nuôi lợn tập thể. Đàn trâu bò được giữ vững, trâu bò sinh sản phát triển khá nhanh, đến năm 1980 toàn huyện có 4.320 con trâu bò. Đàn gia cầm tăng bình quân mỗi năm từ 10 đến 23%. Phong trào nuôi cá tiếp tục phát triển đồng đều, rộng khắp và đạt hiệu quả khá hơn trước, xuất hiện ngày càng nhiều những điển hình nuôi cá giỏi. Phong trào xây dựng ao cá Bác Hồ đã có tác dụng thúc đẩy phong trào nuôi cá đi vào

chiều sâu. Sản lượng cá đạt từ 450 tấn năm 1976, lên 650 tấn năm 1980. Trong nhiều năm liền, Duy Tiên có phong trào nuôi cá khá của tỉnh và là điển hình toàn diện cả về sản xuất cá giống, nuôi cá thịt và xây dựng “Ao cá Bác Hồ”.

Để tăng năng suất vật nuôi, cây trồng, Đảng bộ đã chỉ đạo đầu tư cho công tác khoa học kỹ thuật. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ, các hợp tác xã đã xây dựng tổ khoa học kỹ thuật và có nội dung kế hoạch hoạt động cụ thể thiết thực phục vụ cho trồng trọt, chăn nuôi. Các tổ khoa học kỹ thuật đã đóng góp đáng kể vào việc nghiên cứu và vận dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất ở khâu giống, phân, chăn nuôi. Qua đó xuất hiện nhiều điển hình tốt như làm phân viên và thâm canh lúa ở Trác Văn, bèo hoa dâu ở Mộc Nam. Trong 2 năm 1977, 1978 đã đào tạo được hơn 300 cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ sơ cấp nông nghiệp. Việc ươm nhân, lai tạo, sử lý giống cây con ngày càng đưa lại những hiệu quả lớn cho sản xuất. Phong trào áp dụng khoa học kỹ thuật được quần chúng hưởng ứng tích cực, đến năm 1980, hơn 70% diện tích lúa giống có năng suất cao và gần 40% lợn lai kinh tế được đưa vào sản xuất. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế ngày càng được tăng cường, được sử dụng đúng ngành, nghề đào tạo. Đến năm 1980, toàn huyện Duy Tiên đã có 434 cán bộ đại học, trung học các loại do huyện quản lý và hơn 300 cán bộ trung sơ cấp do xã và các hợp tác xã quản lý.

Việc triển khai Chỉ thị 208 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 61/ CP của Hội đồng Chính phủ về tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã diễn ra đều,

nhanh mạnh. Đảng bộ chỉ đạo tiến hành từng bước việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, quy mô hợp tác xã từng bước được mở rộng hợp lý. Năm 1975, toàn huyện Duy Tiên có 54 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, đến năm 1976, hợp thành 20 hợp tác xã, có quy mô toàn xã ở mức độ khác nhau, 2 hợp tác xã có từ 600-900 ha canh tác, 5 hợp tác xã có từ 500-590ha canh tác, 4 hợp tác xã có từ 400-490 ha canh tác, 4 hợp tác xã có từ 300-390ha canh tác, 4 hợp tác xã có từ 200-290ha canh tác, 1 hợp tác xã dưới 200 ha canh tác. Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, qua rèn luyện, thử thách, ổn định quy mô thích hợp, nhiều hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ngày càng có thêm sức mạnh mới, tạo được sự chuyển biến tiến bộ trong phát triển sản xuất kinh doanh, cải tiến, nâng cao chất lượng công tác quản lý. Trong 5 năm 1976-1980, hầu hết các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đều có giá trị thu nhập và giá trị ngày công tăng hơn trước. Hơn 40% hợp tác xã đã có tổng giá trị thu nhập tăng từ 13% đến 58%. Các hợp tác xã Châu Giang, Yên Bắc, Trác Văn, Mộc Nam, Tiên Hải, Tiên Nội, Tiên Tân, Yên Nam, Bạch Thượng là những hợp tác xã sản xuất kinh doanh nhiều năm hoàn thành vượt mức kế hoạch. Đóng góp và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước đều đạt và vượt yêu cầu, thu nhập của xã viên và tích lũy cho hợp tác xã tăng lên không ngừng. Đa số cán bộ có tinh thần trách nhiệm, có năng lực điều hành và tổ chức thực hiện khá, có nhiều cố gắng đẩy mạnh hoạt động và cải tiến quản lý, phong trào có chuyển biến tiến bộ, xã viên tin tưởng gắn bó với hợp tác xã.

Cuối năm 1980, do bị tác động của tình hình bên ngoài, nên một số nơi nội bộ thiếu đoàn kết thống nhất, đã xuất hiện tư tưởng muốn chia nhỏ hợp tác xã để dễ quản lý. Nhưng với ý thức quán triệt và vận dụng quan điểm đường lối hợp tác hoá nông nghiệp của Đảng, vận dụng các quy luật khách quan, với điều kiện thực tiễn của huyện, Đảng bộ đã thống nhất quyết tâm giữ ổn định quy mô hợp tác xã sản xuất nông nghiệp toàn xã.

Việc thực hiện Thông báo 22 của Ban Bí thư, về khoán sản phẩm cuối cùng tới người lao động, Đảng bộ cũng nhận thức đây là phương pháp tiên tiến, kích thích người lao động tham gia phát triển sản xuất, nhưng thực hiện không chặt chẽ sẽ chệch hướng sang khoán trắng. Huyện uỷ quyết định làm điểm ở Trác Văn để rút kinh nghiệm, không thực hiện đại trà trên toàn huyện để tránh nguy cơ khoán trắng trong sản xuất nông nghiệp.

Việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý tuy đạt được một số kết quả bước đầu nhưng chưa có sức mạnh đồng bộ, chưa tạo ra được thế mở đường giải phóng hoàn toàn năng lực sản xuất phát triển, bộ máy quản lý có được kiện toàn nhưng trình độ hiểu biết và năng lực quản lý còn thấp. Đại bộ phận các cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn còn quản lý theo lối sản xuất nhỏ. Việc quản lý kinh tế tài chính, ăn chia phân phối trong các hợp tác xã còn tùy tiện, làm sai chính sách, sai chế độ, thiếu dân chủ, thiếu công bằng, có nơi còn dấu sản lượng. Tiền, thóc, công điểm không minh bạch, mạnh ai nấy được, gây ra sự nghi kỵ trong Đảng, trong quần chúng.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của thủy nông đối với sản xuất nông nghiệp, cuối năm 1975, Ban chấp hành Đảng bộ ra Nghị quyết về công tác hoàn chỉnh thủy nông, trong đó xác định hoàn chỉnh thủy nông trên toàn bộ đồng ruộng là yêu cầu bức thiết không thể trì hoãn được, là khâu quan trọng không thể do dự đối với một Đảng bộ mà nhiệm vụ chính trị là lấy nông nghiệp làm chủ yếu. Đảng bộ đã chỉ đạo đi đôi với nạo vét khai thông các kênh tưới tiêu trong huyện phải đẩy mạnh xây đúc đặt xong các cống cấp I, cấp II và cấp III, chủ động tưới tiêu, kiện toàn và củng cố các đội 202, các tổ thủy nông; hoàn chỉnh thủy nông phải kết hợp với san lấp đồng ruộng, khai hoang phục hoá để tăng thêm diện tích gieo trồng kết hợp với giao thông nông thôn, trồng cây, thả cá theo quy hoạch, quy vùng sản xuất. Để thực hiện quyết tâm, Huyện ủy Duy Tiên đã phát động nhân dân toàn huyện mở các chiến dịch làm thủy lợi cải tạo đồng ruộng, xoá bỏ được cảnh nước lụt, hạn chế được diện tích đồng chua. Năm 1976, Duy Tiên được công nhận hoàn chỉnh thủy nông với 14.792.650m<sup>3</sup> đất đào đắp, gần 9 triệu ngày công; tu sửa và làm mới 110 bờ vùng bờ thửa, 364 kênh mương, 364 cống đập với 20 trạm bơm điện tổng công suất 210.000m<sup>3</sup>/h. Trong điều kiện thời tiết bình thường, đảm bảo yêu cầu tưới tiêu chủ động phục vụ thâm canh nông nghiệp. Tính chung từ năm 1975 đến năm 1980, công tác thủy lợi của Duy Tiên đã hoàn thành tốt xây dựng các công trình lớn như trạm bơm chợ Lương, đê kè sông Hồng, đê Hoàn Uyển, đê Mã Lương, và mở rộng tu sửa các trạm bơm khác. Hệ thống đê, đập, kênh, mương được hình thành đồng bộ và đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất.

Bên cạnh công tác thuỷ lợi, huyện đã đưa hàng nghìn tấn phân lân và vôi vào cải tạo đồng ruộng. Công tác thuỷ lợi được làm tốt gắn với quy hoạch cải tạo đồng ruộng, đã tạo được địa bàn cho trạm cơ khí nông nghiệp của huyện hoạt động, diện tích cày bừa bằng máy được mở rộng. Đến năm 1980, toàn huyện Duy Tiên đã có trên 50% diện tích canh tác được cày bừa bằng máy, điển hình là các xã Châu Giang, Yên Bắc, Trác Văn đã có từ 80-90% diện tích làm đất bằng máy.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được Đảng bộ tập trung chỉ đạo, nêu cao quyết tâm vượt qua nhiều sóng gió về thiếu nguyên, nhiên liệu. Đảng bộ chủ trương chuyển mạnh vào khai thác nguyên liệu tại chỗ tận dụng phế liệu, phế phẩm, bảo đảm giữ vững sản xuất và phục vụ kịp thời cho nông nghiệp, đời sống và xuất khẩu.

Trong 5 năm 1976-1980, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện đều hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bình quân 5 năm 1976-1980 là 5.287.000 đồng, so với kế hoạch tăng 15%, so với bình quân 5 năm 1971-1975 tăng 84,4%, trong đó nhóm A tăng 16%, nhóm B tăng 12,5%. Các ngành cơ khí sửa chữa, vật liệu xây dựng, sành sứ thuỷ tinh, chế biến lương thực thực phẩm, dệt, da, may, nhuộm có tốc độ tăng bình quân cao so với kế hoạch từ 8 đến 27,7%.

Ngành nghề trong nông nghiệp tiếp tục phát triển, nhiều mặt hàng mới sản xuất bằng nguyên liệu tại chỗ ra đời. Tổng giá trị sản lượng năm 1976 đạt 81.000 đồng, năm 1980 tăng lên 3.480.000 đồng, tăng 3,6 lần. Các hợp tác xã Châu Giang,

Yên Bắc, Tiên Tân có giá trị sản lượng ngành nghề năm 1980 so với kế hoạch tăng từ 1,45 đến 3,02 lần và tăng từ 2 đến 3 lần so với năm 1979. Điển hình là xã Châu Giang có tới trên 600 lao động sản xuất thủ công nghiệp và đạt giá trị tổng sản lượng 1.000.000 đồng /năm.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp hàng địa phương nhằm khắc phục một bước cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp, Huyện uỷ đã ra Nghị quyết số 02-NQ/HU, ngày 4/4/1980 về việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hàng xuất khẩu. Nghị quyết đánh giá, năm 1976 giá trị tổng sản lượng đạt 4.117.000 đồng, năm 1977 tăng hơn năm 1976 là 26,7%, năm 1978 tăng hơn 1977 là 4%, năm 1979 tăng hơn năm 1978 là 0,3%. Có những ngành phát triển khá như máy kéo, cơ khí, dệt may. Nhiều đơn vị liên tục đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch như Trạm máy kéo, hợp tác xã cơ khí Đại Thành, Mỹ Tiến, Lam Hạ. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp phát triển ngành nghề khá như Châu Giang, Mộc Nam, Yên Bắc, Trác Văn. Nghị quyết nêu rõ, hướng phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp là đưa mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hàng xuất khẩu vào các hợp tác xã nông nghiệp, đồng thời mở rộng quy mô và đẩy nhanh tốc độ phát triển của các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chuyên nghiệp. Từ phương hướng nhiệm vụ chung, Đảng bộ Duy Tiên đã chỉ đạo mỗi hợp tác xã phải có tổ cơ khí sửa chữa, có tổ rèn mộc để sản xuất và sửa chữa công cụ cầm tay cho nông dân. Đưa thêm ngành nghề vào các hợp tác xã như nghề



đệt thảm đay, thêu ren, đan mây tre, gạch ngói, vôi, thảm bẹ ngô... để tăng thu nhập cho nông dân. Các hợp tác xã thủ công chuyên nghiệp phải tận dụng sản phẩm của nông nghiệp phế liệu của địa phương và tranh thủ mọi nguồn nguyên liệu của tỉnh, Trung ương và các nơi khác để sản xuất hàng hoá và tạo đủ việc làm cho xã viên. Quản lý chặt chẽ lao động, vật tư, tiền vốn, trang thiết bị để phục vụ sản xuất.

Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp đã đi đúng hướng là phục vụ phát triển ngành nghề ở hợp tác xã nông nghiệp, tạo ra thể phân công lao động tại chỗ. Tuy vậy, so với yêu cầu của của nhiệm vụ cách mạng thì tốc độ phát triển còn quá chậm, tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế còn quá thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của nông nghiệp, đời sống và xuất khẩu.

Cơ sở vật chất kỹ thuật là nhân tố quan trọng để đưa phong trào phát triển đồng đều, vững chắc, nhận thức rõ điều đó, đi đôi với việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, huyện uỷ Duy Tiên đã tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất các ngành kinh tế, văn hoá, đặc biệt chú trọng tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp. Mặc dù vật tư cung cấp cho xây dựng cơ bản quá ít, cán bộ công nhân ngành xây dựng đã đẩy mạnh tự sản xuất vật liệu xây dựng, để hoàn thành các công trình trong kế hoạch. Trong 5 năm 1976-1980, Duy Tiên tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các công trình thuỷ lợi và hoàn chỉnh thuỷ nông. Đầu tư 4.458.000 đồng vào việc xây dựng, củng cố nâng cao và sửa chữa các công trình đầu mối. Mở rộng mạng lưới điện phục vụ sản xuất, chuyển 10 km đường dây tải điện cao thế 10 KV

sang 35 KV và kéo mở rộng hơn 10 km đường dây tải điện hạ thế 6 KV xuống cơ sở, phục vụ trực tiếp việc chế biến thức ăn gia súc, say sất chế biến nông sản, sửa chữa cơ khí, hoạt động truyền thanh. Xây dựng thêm trạm biến áp trung gian Hoà Mạc với công suất 1800 KW.

Nhiều công trình phục vụ sản xuất, sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được xây dựng như: nhà kho, sân phơi, lò cất tinh dầu, lò sử lý giống, chuồng trại chăn nuôi tập thể, phòng học, nhà nuôi dạy trẻ, lớp mẫu giáo, trạm y tế, đài truyền thanh. Riêng năm 1980, đội công trình đã xây dựng dứt điểm 2000m<sup>2</sup> nhà, phục vụ cho việc ở và làm việc của các cơ quan xí nghiệp, trường học trong huyện. Cơ sở vật chất được xây dựng thêm đã tạo điều kiện tốt cho việc nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện các biện pháp kỹ thuật, thúc đẩy sản xuất phát triển phục vụ cải thiện đời sống nhân dân.

Ngành giao thông vận tải tăng cường quản lý để tăng năng suất phương tiện vận tải. Tăng thêm phương tiện vận tải thuỷ và bộ phục vụ tốt nhiệm vụ dân sinh, kinh tế quốc phòng. Đẩy mạnh việc duy tu rải đá các tuyến đường trục trong huyện, nhất là đường 60, tích cực tu sửa mở rộng đường giao thông nông thôn góp phần đẩy mạnh phong trào giải phóng đôi vai, màng lưới đường xá, bến bãi từng bước được hoàn chỉnh và mở rộng. Năm 1975, toàn huyện đã giải phóng đôi vai với 199.000 tấn phương tiện, về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu vận chuyển của sản xuất.

Trong chỉ đạo quản lý, sử dụng lao động, bước đầu đạt kết quả. Duy Tiên có nguồn lao động dồi dào, bình quân 5 năm 1976-1980, toàn huyện có 42.302 người trong độ tuổi

lao động với 35.000 lao động, trong đó 74% là lao động nông nghiệp. Đảng bộ chủ trương sắp xếp cho mọi người có sức lao động có công ăn việc làm, thông qua bố trí lao động vào các ngành nghề, làm cho ai cũng có thu nhập, đời sống ổn định và từng bước cải thiện. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ, các hợp tác xã đã bố trí và phân công lao động theo hướng chuyên môn hoá, giảm dần lao động trồng trọt, tăng dần lao động chăn nuôi, ngành nghề và xây dựng cơ bản, cơ cấu lao động từng bước hợp lý hơn. Lao động trong các lĩnh vực tăng, giảm từ năm 1976 đến năm 1980 là: trồng trọt giảm từ 76,19% xuống 76,16%; lao động chăn nuôi từ 1,9% lên 2,83%; lao động xây dựng cơ bản từ 4,73 lên 6,38%. Nhờ đó gieo cấy và thu hoạch đảm bảo đúng thời vụ, toàn huyện Duy Tiên trong nhiều năm đã điều chuyển 32.672 lao động đi xây dựng kinh tế quốc doanh và bảo vệ Tổ quốc; 6.674 lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Cân đối tiền hàng, cân đối ngân sách địa phương có nhiều cố gắng. Để cân đối được ngân sách địa phương, Đảng bộ đã có quyết tâm cao, tăng cường các biện pháp tăng thu và tiết kiệm chi, tăng cường việc quản lý kinh tế, quản lý thị trường, khuyến khích các đơn vị sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi, kiên quyết chống thất thu, chống bù lỗ một cách tích cực, từng bước thực hiện cân đối ngân sách của huyện. Thu chi ngân sách qua các năm đều hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 101,5-112%. Công tác quản lý tiền tệ nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu chi tiêu đột xuất và thường xuyên về tiền mặt, khắc phục được tình trạng bội chi, khát chi không cần thiết. Tuy nhiên, Duy Tiên là huyện nghèo có nguồn thu ngân sách thấp, một số nguồn thu phải chuyển về ngân sách cấp trên do

phân cấp quản lý, nhiều khoản chi thường xuyên và đột xuất tăng nhanh nên việc cân đối ngân sách địa phương tuy có cố gắng nhưng vẫn phải xin trợ cấp của tỉnh và Trung ương, năm 1979 ngân sách phải trợ cấp 1.689.000đồng, năm 1980 là 2.222.000 đồng.

Việc quản lý sử dụng vốn tín dụng đúng hướng và ngày càng đạt hiệu quả lớn. Công tác vận động gửi tiền tiết kiệm có nhiều tiến bộ cả về số dư tuyệt đối và bình quân đầu người. Duy Tiên luôn luôn là huyện hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu tiền gửi tiết kiệm và ngày càng xuất hiện nhiều nhân tố mới, điển hình tiên tiến. Năm 1980, toàn huyện có số dư 6.910.000đ, bình quân đầu người đạt 72 đồng. Xã Châu Giang có số dư trên 1 triệu đồng được Chính phủ tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba. Xã Yên Bắc có số dư tiết kiệm 1 triệu đồng, Tiên Ngoại có số dư tiết kiệm bình quân đầu người 100 đồng.

Phân phối lưu thông được Đảng bộ quan tâm cả 2 mặt phát triển sản xuất và phân phối lưu thông. Ngành thương nghiệp XHCN đã xác định rõ nhiệm vụ là người nội trợ của nhân dân, ngoài việc nhận hàng hoá được phân để phân phối, ngành đã tích cực bám sát cơ sở sản xuất, nắm và thu mua nguồn hàng tại địa phương, phục vụ đời sống nhân dân. Việc nắm nguồn hàng và thu mua lương thực, thực phẩm nông sản đạt kết quả tốt. Nhìn chung các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống cán bộ và nhân dân trong huyện đều được bảo đảm, góp phần phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển. Phân phối hàng hoá bước đầu đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng, hợp lý và thuận tiện cho người tiêu dùng. Hiện tượng tham ô, móc ngoặc, cửa quyền được hạn chế.

Trong thời gian này, có sự thay đổi lớn về tiền tệ, ngày 25/4/1978, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 87/CP, về việc thống nhất tiền tệ trong cả nước, phát hành tiền ngân hàng mới, thu đổi tiền ngân hàng cũ. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã khẩn trương lãnh đạo tổ chức thu đổi tiền trong nhân dân. Đảng bộ đã làm tốt công tác giáo dục cán bộ đảng viên và nhân dân hiểu rõ chủ trương ý nghĩa và lợi ích to lớn của việc thu đổi tiền, động viên mọi người thực hiện nghiêm chỉnh quy định về quản lý và sử dụng tiền mặt, đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm góp phần bảo vệ và nâng cao giá trị đồng tiền Việt Nam. Nhiều cán bộ, đảng viên đã khắc phục khó khăn, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tận tụy, nhiệt tình làm công tác thu đổi, thực hiện đúng nguyên tắc thời gian và thủ tục đổi tiền. Sau khi đổi tiền, đa số nhân dân lao động làm ăn chân chính rất phấn khởi. Những sơ hở về quản lý kinh tế được khắc phục. Nhà nước đã quản lý được tiền mặt để chỉ đạo sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước là tiêu chuẩn chính trị của một Đảng bộ, là trách nhiệm, nghĩa vụ của nhân dân địa phương. Duy Tiên luôn thực hiện lời dạy của đồng chí Lê Duẩn “lo cái lo chung của cả nước”, mặc dù sản xuất và đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, Đảng bộ Duy Tiên đã lãnh đạo và động viên quần chúng, dũng cảm chiến thắng thiên tai, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, đảm bảo ổn định nâng cao đời sống, làm tốt nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước với sự cố gắng và quyết tâm cao nhất, đáp ứng các yêu cầu huy động lương thực thực phẩm, nông sản hàng hoá Nhà nước

giao. Trong 5 năm 1975-1980, huyện đều làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đầy đủ, bình quân mỗi năm Duy Tiên đóng góp cho Nhà nước 5.889 tấn lương thực, 564 tấn thịt, 20.000 tấn mía cây và hàng chục tấn nông sản khác với tổng giá trị mỗi năm là 6.113.000 đồng. Nhiều đơn vị đã nêu cao ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, động viên nhân dân tự giác thu nộp nhanh gọn, vượt mức các chỉ tiêu huy động về lương thực thực phẩm với khối lượng lớn, phẩm chất tốt như Yên Bắc, Châu Giang, Duy Hải, Bạch Thượng, Yên Nam, Tiên Ngoại, Mộc Nam, Trác văn, Tiên Tân, Tiên Hải.

Trong điều kiện đất nước hoà bình độc lập thống nhất, song nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vẫn được đặt ra là một nhiệm vụ quan trọng, tháng 12/1975, Đảng bộ đã ra Nghị quyết về công tác quân sự địa phương trong tình hình mới. Nghị quyết nêu rõ cần phải thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên, nhân dân lực lượng dân quân tự vệ về tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động đập tan mọi luận điệu chiến tranh tâm lý gây rối trật tự trị an của địch, động viên lực lượng dân quân tự vệ, làm nòng cốt xung kích trong lao động sản xuất, chống bão lụt, chấp hành tốt chính sách và pháp luật của Nhà nước. Quán triệt quan điểm đường lối quân sự của Đảng, Nghị quyết của Đảng bộ về công tác quân sự địa phương, tinh thần cảnh giác cách mạng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng lên, các mặt công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng, tăng cường củng cố quốc phòng được triển khai tích cực. Các đợt tuyển quân đều hoàn thành nhanh gọn, đủ về số lượng, chất lượng và thời gian quy định. Trong 5 năm 1976-1980, Duy Tiên đã bổ sung 6674 thanh niên trẻ khoẻ cho quân đội,

25998 người đi xây dựng kinh tế bảo vệ biên giới. Riêng 2 năm 1978-1979 huyện đã giao số quân và thanh niên phục vụ biên giới nhiều bằng 10 năm trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Nhiều xã có truyền thống hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ động viên thanh niên tòng quân xây dựng quân đội với chất lượng cao. Hầu hết con em Duy Tiên đi làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đều làm rạng rỡ truyền thống tốt đẹp của quê hương, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, chiến đấu dũng cảm và lập công xuất sắc.

Năm 1979, tình hình nhiệm vụ cách mạng diễn biến phức tạp. Trong khi toàn Đảng toàn dân, toàn quân ta đang tiến hành khắc phục những hậu quả của những năm chiến tranh tàn phá và cố gắng dồn sức người, sức của để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cơ sở vật chất, cuộc sống còn muôn vàn khó khăn, chiến tranh biên giới phía Tây nam ngày càng ác liệt, thì chiến tranh biên giới phía Bắc lại xảy ra. Trước tình hình đó, lực lượng vũ trang đòi hỏi phải phát triển nhanh, mạnh mẽ, toàn diện, thực hiện chiến lược chiến tranh nhân dân của Đảng. Việc xây dựng lực lượng trong tình hình mới được Huyện ủy, ủy ban nhân dân trực tiếp chỉ đạo cụ thể và kịp thời. Tổ chức xây dựng lực lượng phù hợp với yêu cầu mới, huyện thành lập một trung đoàn dự bị động viên, 100% đơn vị cơ sở thành lập lực lượng dân quân cơ động và lực lượng chiến đấu tại chỗ. Thực hiện Thông báo số 06-TB/TW, của Ban Bí thư Trung ương về quyết định tổng động viên, nhiều cán bộ, đảng viên, thanh niên của huyện tình nguyện nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc. Tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý chí chiến đấu và bản chất cách mạng của người chiến sỹ được phát huy vượt

bạc, tuyệt đại bộ phận đã chấp hành mệnh lệnh lên đường ra phía trước một cách tự giác, khẩn trương và nghiêm chỉnh. Các đơn vị tự vệ được điều động lên biên giới làm phòng tuyến, đã tiến hành nhanh với tư tưởng tiến công hoàn thành vượt mức thời gian, khối lượng trên giao,

Trong khi cuộc chiến đấu của đồng bào và lực lượng vũ trang các tỉnh biên giới phía Bắc vẫn tiếp diễn ác liệt, việc phòng thủ vẫn phải tăng cường; để tiếp sức cho tiền tuyến đánh thắng kẻ thù, Đảng bộ Duy Tiên chủ trương phát động mạnh mẽ phong trào thi đua đóng góp lương thực, thực phẩm, hàng hoá, khẩn trương phục vụ tiền tuyến, Ủy ban nhân dân huyện đã ra Chỉ thị số 27-CT/UB ngày 13/3/1979, về việc tiết kiệm tiêu dùng lương thực, thực phẩm và các nhu cầu hàng hoá để phục vụ tiền tuyến. Chỉ thị chỉ rõ, nhân dân và các cơ quan đoàn thể, các hợp tác xã trong toàn huyện tiết kiệm tiêu dùng, đóng góp vượt mức nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu hậu cần cho tiền tuyến. Hạn chế và tiết kiệm triệt để việc dùng lương thực, thực phẩm trong các hội nghị; liên hoan, tổng kết, đại hội, phải dùng thực phẩm khác, giành thịt lợn cho chiến trường.

Trong những năm 1975-1980, thiên tai khắc nghiệt liên tục xảy ra, lũ lụt hạn hán kéo dài làm cho mùa màng thất bát, đời sống nhân dân và cán bộ gặp nhiều khó khăn thiếu thốn; Chiến tranh biên giới phía Bắc làm cho hàng nghìn người dân biên giới sơ tán về Duy Tiên gây khó khăn trong việc quản lý trật tự trị an; Kẻ địch ráo riết hoạt động gây chiến tranh tâm lý làm cho một bộ phận quần chúng lo lắng; cộng với những sơ hở lỏng lẻo trong quản lý xã hội, quản lý kinh tế, đã nảy sinh



nhiều tiêu cực làm cho tư tưởng quần chúng không ổn định. Tình hình đó, gây nhiều khó khăn cho công tác giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn huyện. Đảng bộ đã chỉ đạo cơ sở tiếp tục duy trì và nuôi dưỡng phát huy tác dụng của tổ an ninh nhân dân, đội ngũ công an xã và bảo vệ các cơ quan. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, bảo đảm lực lượng công an xã, bảo vệ, tổ trưởng, tổ phó tổ an ninh nhân dân, nắm vững chức năng nhiệm vụ của mình để hướng dẫn nhân dân thực hiện sinh hoạt đúng hướng, góp phần bảo vệ tốt an ninh trật tự thôn xóm. Phong trào quần chúng tham gia tổ an ninh nhân dân tiếp tục phát triển, năm 1979 toàn huyện có 1735 tổ an ninh nhân dân, giữ vững sinh hoạt, góp phần bảo vệ an ninh chính trị sẵn sàng chiến đấu và tham gia chiến đấu cùng quân và dân các tỉnh biên giới phía Bắc. Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, phòng ngừa phát hiện và đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu hoạt động của bọn phản động, tổ chức canh gác bảo vệ an toàn cơ quan, xí nghiệp, kho tàng, chuồng trại, bảo vệ xóm làng, tính mạng của nhân dân. Các đơn vị có số tổ an ninh nhân dân hoạt động tốt là Lam Hạ, Yên Bắc, Tiên Hải, Tiên Nội, Mộc Nam, Mộc Bắc.

Đảng bộ rất quan tâm đến phát triển kinh tế gia đình xã viên, xuất phát từ nhận thức về vị trí của kinh tế gia đình là một bộ phận của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và hỗ trợ cho nền kinh tế tập thể phát triển. Đảng bộ đã tăng cường chỉ đạo các cấp, các ngành, hướng dẫn làm kinh tế gia đình phát triển ổn định và cải thiện đời sống nhân dân bằng nhiều biện pháp cụ thể. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các ngành đã chú ý giúp đỡ giống vốn, sức cày kéo, phân đạm; hướng dẫn kỹ

thuật cho xã viên gieo trồng, thâm canh, tăng vụ, xen canh trên diện tích đất 5% của từng hộ, vận động cho vay vốn, bán cung cấp vật liệu cho các gia đình xây dựng chuồng trại, cho mượn ruộng làm vụ đông, phát triển chăn nuôi lợn, cá, trâu bò, gà vịt. Hướng dẫn kinh nghiệm, kỹ thuật trồng cây, chăn nuôi tăng trọng, phát triển nghề phụ và tổ chức cuộc sống khoa học, thực hiện nếp sống mới vui tươi lành mạnh, hạnh phúc. Từ đó khuyến khích kinh tế gia đình phát triển khá mạnh. Đại bộ phận năng suất lúa trên diện tích 5% của xã viên đều đạt từ 8 đến 10 tấn/ha/2 vụ, khoai lang từ 10 đến 15 tấn/ha, số gia đình chăn nuôi giỏi ngày càng nhiều, nhiều gia đình rất tích cực phát triển nuôi lợn, chăn nuôi trâu bò sinh sản, phát triển nghề phụ góp phần tăng nhanh thu nhập gia đình. Năm 1980, qua điều tra thí điểm ở các vùng kinh tế trong huyện, thu nhập từ kinh tế gia đình chiếm tới 55,3% so với tổng thu nhập của mỗi hộ.

Kinh tế phụ gia đình phát triển đã thực sự phục vụ và hỗ trợ cho kinh tế tập thể phát triển. Nhiều gia đình xã viên hàng năm đã cung cấp cho hợp tác xã nông nghiệp hàng chục tấn phân chuồng có chất lượng, bán cho Nhà nước hàng tạ thịt lợn hơi, xuất cho tập thể hàng tạ lợn giống để phát triển chăn nuôi tập thể, cung cấp cho tập thể nhiều đồ dùng thu hoạch và xây dựng phúc lợi công cộng.

Đối với việc tổ chức đời sống nhân dân, Đảng bộ Duy Tiên đã đặt ra mục tiêu phấn đấu là ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Đảng bộ đã dồn sức lực và trí tuệ để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế, phát triển văn hoá trên địa bàn huyện, từng bước ổn định và nâng cao đời sống nhân dân.

Trên cơ sở những nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch Nhà nước, Đảng bộ đã phát động mạnh mẽ phong trào lao động sản xuất, cải tiến công tác phân phối lưu thông, tích cực chống thiên tai, dịch hoạ hỗ trợ kinh tế gia đình phát triển, tăng cường chỉ đạo các hoạt động văn hoá, văn nghệ, truyền thanh, phát triển sự nghiệp giáo dục y tế nhằm tạo điều kiện cần thiết bảo đảm ổn định và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Chỉ đạo làm tốt việc thu chi, phân phối sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp và cung cấp lương thực cho cán bộ, công nhân, đảm bảo mức ăn lương thực hợp lý cho nông dân và những người sản xuất. Năm 1980, ở những nơi sản xuất khá, có mức ăn bình quân từ 15 kg đến 17 kg lương thực trên đầu người một tháng. Những người làm nghề nặng nhọc, độc hại đều bán đủ định lượng tiêu chuẩn. Một số nơi sản xuất còn khó khăn, mức ăn thấp nhất cũng đạt 9 kg đến 10kg/tháng. Trong những năm thiên tai lũ lụt, mùa màng thất bát, huyện kịp thời động viên nhân dân đoàn kết giúp đỡ nhau, nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, tổ chức đi các nơi mua gạo, ngô, khoai về hỗ trợ nhân dân chống đói giáp hạt. Đẩy mạnh việc sản xuất, phân phối vật liệu xây dựng, từng bước đáp ứng yêu cầu về nhà ở của nhân dân. Hằng năm, toàn huyện đã có hàng trăm nhà mới được xây dựng. Đến năm 1980, 70% số hộ có nhà xây, nhà ngói.

Thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, bảo đảm sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, Đảng bộ đã chỉ đạo các ngành chức năng như Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân, Uỷ ban kiểm tra, Tài chính ngân hàng...phát

huy hiệu lực của pháp luật và tăng cường quản lý kinh tế trong việc giáo dục, xử lý, trừng phạt những hành vi làm ăn phi pháp, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế và đời sống xã hội. Kết quả, các ngành chức năng đã tiếp nhận và giải quyết hàng trăm đơn từ khiếu nại và tố giác của nhân dân. Phát hiện nhiều sai sót về ăn chia ngoài phương án, thiếu quỹ hàng chục nghìn đồng, hụi kho và lấy cắp gần 50 tấn lương thực, quản lý sử dụng vật tư, tiền vốn sai mục đích. Qua đó góp phần đẩy mạnh sản xuất ổn định đời sống nhân dân.

Hoạt động thông tin văn hoá được Đảng bộ rất quan tâm, một số xã hoàn chỉnh hệ thống loa truyền thanh đến tận gia đình, góp phần tích cực vào tuyên truyền chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đội văn nghệ, đội chiếu bóng đã tăng cường hoạt động và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị. Đến năm 1980, toàn huyện có 12/20 xã có đài truyền thanh, gần 50% số hộ gia đình có loa truyền thanh và đài bán dẫn. Chất lượng hoạt động của đài truyền thanh huyện và các xã ngày càng được nâng lên. Công tác phát hành sách và văn hoá phẩm được đẩy mạnh, sách chính trị khoa học kỹ thuật được đưa về tận cơ sở, phục vụ nhiều bạn đọc ở nông thôn.

Nếp sống mới về ăn ở hợp vệ sinh, nuôi dạy con ngoan, sinh đẻ có kế hoạch có chuyển biến tốt. Việc cưới, việc tang, ngày giỗ, ngày hội hầu hết được tổ chức theo nghi thức mới.

Phong trào thể thao có chiều hướng đi lên, năm 1977 sân vận động của huyện được xây dựng lại, trở thành địa điểm tổ chức các hoạt động thể dục thể thao của huyện. Phong trào tập

thể dục buổi sáng đã phổ biến trong các cơ quan, trường học. Số lượng người chơi bóng chuyên, bóng đá đã tăng lên.

Việc học tập văn hoá, chính trị nghiệp vụ trong cán bộ và nhân dân ngày càng phát triển mạnh và có khí thế sôi nổi, bình quân trong 5 năm 1976-1980, toàn huyện có 28.000 học sinh phổ thông các cấp đến trường, 2000 người tham gia học tập bổ túc văn hoá, hơn 100 người vào các trường đại học, trung học chuyên nghiệp. Đến năm 1980, cứ 3 người dân có một người đi học. Các lớp bổ túc văn hoá tập trung cấp II, III của huyện tiếp tục được duy trì, nhiều cán bộ tuổi cao nhưng vẫn say sưa học tập với tinh thần tự giác cao.

Giáo dục phát triển mạnh mẽ theo hướng phổ cập, chất lượng, toàn diện. Trường phổ thông cấp III B nhiều năm liền giữ danh hiệu tiên tiến. Năm 1978, toàn huyện đã phổ cập vỡ lòng và lớp một đúng độ tuổi. Năm 1980, Duy Tiên là một trong những huyện được bộ Giáo dục kiểm tra công nhận là huyện phổ cập cấp 1 toàn dân. Các phong trào thi đua 2 tốt, phong trào vận động nhân dân xây dựng, giáo dục động viên giáo viên, học sinh làm chủ sự nghiệp giáo dục đã tạo sự chuyển biến quan trọng cho việc thực hiện kế hoạch và cuộc vận động cải cách giáo dục. Chất lượng nuôi dạy trẻ được nâng lên, đến năm 1980, có 5846 cháu được đưa vào nuôi dạy trong các nhà trẻ, đạt 54% số cháu trong độ tuổi, các cô nuôi dạy trẻ được tiêu chuẩn hoá, 100% số cô được qua lớp huấn luyện đáp ứng yêu cầu nuôi dạy trẻ.

Việc chăm sóc và quản lý sức khỏe của nhân dân không ngừng được đẩy mạnh, từ năm 1976 đến năm 1980, trên địa bàn huyện đều không xảy ra dịch lớn. Ngành y tế có nhiều cố

gắng trong bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong điều kiện thuốc chữa bệnh khan hiếm. Công tác phòng dịch khá tốt, dịch hạch, dịch tả chớm xuất hiện đã ngăn chặn kịp thời. Đã hoàn thành công trình hố xí 2 ngăn. Trạm y tế xã Trác Văn vẫn phát huy tốt tác dụng lá cờ đầu của ngành y tế huyện. Phong trào sạch làng tốt ruộng, xây dựng 3 công trình vệ sinh được ngành y tế chú ý đẩy mạnh và đã đi vào vùng lúa như Tiên Nội. Phong trào trồng cây thuốc nam và chữa bệnh bằng thuốc nam phát triển rộng, một số nơi khá mạnh như ở Bạch Thượng, Trác Văn, Mộc Bắc. Năm 1980, huyện được Bộ y tế công nhận là huyện 5 dấu điểm vào loại sớm trong cả nước. Phong trào sinh đẻ có kế hoạch đã được đông đảo quần chúng hưởng ứng, có tác dụng làm giảm dần tỷ lệ phát triển dân số. Tốc độ phát triển dân số tự nhiên toàn huyện giảm từ 3,01% năm 1976 xuống 2,36% năm 1980, từ thực tế đó Duy Tiên có điều kiện phấn đấu từng bước đi tới cân đối giữa sản xuất và nhu cầu về lương thực, thực phẩm trên địa bàn huyện.

Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên đã thực hiện tốt công tác thương binh xã hội, đưa phong trào từng bước đi lên, năm 1979 đạt danh hiệu lá cờ đầu của tỉnh. Tháng 3/1980, huyện vinh dự được chọn làm đơn vị tổ chức hội nghị tuyên truyền chính sách thương binh xã hội toàn miền Bắc. Trong công tác thương binh xã hội, huyện đã thực hiện tốt chế độ trợ cấp tiền tuất, điều hoà lương thực, chế độ khám chữa bệnh, sắp xếp việc làm cho thân nhân gia đình chính sách và các đồng chí thương binh, người già người tàn tật góp phần động viên mọi người tham gia lao động sản xuất để ổn định đời sống.

Nhìn chung, những kết quả trên các lĩnh vực Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên đạt được trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn rất đáng tự hào. Song, sản xuất tăng chậm, dân số tăng nhanh, bình quân lương thực đầu người trên địa bàn huyện đạt thấp. Số hợp tác xã ổn định về qui mô tổ chức sản xuất và cải tiến quản lý chưa mạnh, lao động chủ yếu tập trung ở ngành trồng trọt, giá trị ngày công thấp, giá thành sản phẩm cao. Chỉ đạo kỹ thuật trong nông nghiệp còn có sơ hở, hiện tượng cây chậm, bừa dối, cấy thưa, cấy muộn thời vụ vẫn còn xảy ra đối với một số cơ sở, dẫn tới mỗi vụ có hàng trăm ha không được thu hoạch. Nguyên nhân cơ bản là do những cơ sở này còn nặng tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào bao cấp, trong khi lao động thừa, trâu bò nhàn rỗi, cày cấy chậm thời vụ nhưng vẫn chờ máy về làm đất. Đây là những hạn chế mà Đảng bộ Duy Tiên đã mạnh dạn đánh giá tìm hướng khắc phục.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh, ngày 22 tháng 5 năm 1979, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, đã khai mạc trọng thể với tinh thần tăng cường sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy hiệu lực của chính quyền và quyền làm chủ của nhân dân lao động, phát động cao trào thi đua lao động, phát triển kinh tế - văn hoá, quyết tâm đánh thắng quân xâm lược, bảo vệ vững chắc biên giới của Tổ quốc

Đại hội XIV đề ra phương hướng, nhiệm vụ đến năm 1980 là: “Đẩy mạnh sản xuất và sản xuất cân đối giữa nông nghiệp và công nghiệp, thủ công nghiệp, giữa trồng trọt và chăn nuôi; giữa lúa và màu, cây công nghiệp và cây xuất khẩu. Trước hết giải quyết tốt vấn đề lương thực thực phẩm. Kết hợp

giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh đầy mạnh sản xuất gắn với sẵn sàng chiến đấu; xây dựng nông thôn mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu để Duy Tiên sớm hình thành huyện nông- công nghiệp”

Đại hội đã bầu 25 đồng chí vào Ban chấp hành Đảng bộ khoá XIV, đồng chí Ngô Văn Định được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác xây dựng Đảng, phương hướng nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng hàng năm của Tỉnh uỷ, huyện uỷ Duy Tiên đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên trong giai đoạn cách mạng mới.

Trong chỉ đạo Đảng bộ luôn luôn nắm 2 đầu mạnh yếu, vừa phát huy đầu mạnh, vừa đặc biệt chú trọng giúp đỡ nâng đầu yếu với những biện pháp cụ thể và đã giành được nhiều kết quả khả quan. Điển hình là xã Hoàng Đông, vụ chiêm xuân năm 1979 là một Đảng bộ cơ sở có nhiều mặt yếu kém, nội bộ mất đoàn kết, 54 % đảng viên trong Đảng bộ mắc khuyết điểm như tham ô, nợ kéo dài, chiếm dụng vốn của tập thể tới 170.000 đồng, 117 tấn thóc. Đời sống nhân dân giảm sút nghiêm trọng, mức ăn còn có 2 kg thóc 1 khẩu 1 tháng. Trước tình hình đó, Đảng bộ huyện đã cử một đoàn cán bộ xuống nghiên cứu tìm biện pháp khắc phục và cử 1 đồng chí huyện uỷ viên là phó ban nông nghiệp huyện có nhiều kinh nghiệm xây dựng cơ sở về trực tiếp làm Bí thư Đảng uỷ. Từ thực tiễn, các biện pháp như nghiên cứu kiểm điểm trong toàn Đảng bộ, tìm nguyên nhân yếu kém, củng cố đội ngũ đầy



manh thực hiện nhiệm vụ chính trị phát động thi đua sản xuất nông nghiệp. Đã tạo nên một khí thế lao động mới, lấy lại niềm tin trong quần chúng, qua một vụ mùa năm 1979 đã đạt thắng lợi lớn, sản lượng lương thực tăng từ 320 tấn lên 1000 tấn, hoàn thành nghĩa vụ 200 tấn lương thực và 32 tấn thịt lợn, mức ăn bình quân nâng lên, từ 15kg đến 17 kg một người một tháng, cao nhất so với thời gian trước đó. Các hoạt động của Đảng bộ có chiều hướng phát triển thành một đơn vị khá. Từ thực tế của Hoàng Đông đã thể hiện quyết tâm của Đảng bộ Duy Tiên trong công tác chỉ đạo, đảm bảo phong trào phát triển đồng đều, tạo thành sức mạnh của toàn Đảng bộ trên con đường xây dựng và phát triển.

Về công tác tư tưởng, Đảng bộ tập trung vào giáo dục đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Đồng thời kiên quyết chống tư tưởng tiểu tư sản và tàn dư của chế độ phong kiến; đấu tranh khắc phục những biểu hiện cục bộ, địa vị, tùy tiện gia trưởng, độc đoán, cửa quyền; tư tưởng ngại khó sợ trách nhiệm, lười học tập, tham ô, lãng phí... Năm 1978, lần đầu tiên trường đảng huyện đưa chương trình lý luận sơ cấp vào giảng dạy, hoàn thành được 2 lớp, chất lượng 100% đạt yêu cầu trở lên. Các lớp học chính trị tại chức của cả 2 khu vực nông thôn và cơ quan đã hoàn thành cơ bản chương trình cơ sở và mở thí điểm một lớp chương trình sơ cấp.

Qua học tập đường lối chính sách, đã nâng cao trình độ, khả năng rèn luyện và quan điểm, lập trường giai cấp, tinh thần cách mạng tiến công, tự lực tự cường, tinh thần làm chủ

xã hội chủ nghĩa của đảng viên. Tuy nhiên một số biểu hiện của tư tưởng tiểu tư sản như thắng lợi phấn khởi, khó khăn thất bại hoang mang dao động vẫn còn tồn tại; đấu tranh phê bình, tự phê bình còn hữu khuynh.

Công tác quản lý đảng viên đã được các cấp uỷ Đảng quan tâm, đi sâu vào quản lý đảng viên theo phương thức 5 quản, giáo dục cho đảng viên tính tự giác và tự quản lý mình với ý thức và trách nhiệm. Phân công cho đảng viên một công tác nhất định có nhiệm vụ, có chức năng rõ ràng, tuỳ theo năng lực sở trường của từng đảng viên, chú ý đảng viên trung bình và xem xét tạo điều kiện để đảng viên phấn đấu vươn lên. Chất lượng đảng viên có sự chuyển biến. Năm 1976, qua phân loại đảng viên, tỷ lệ đảng viên trung bình giảm 8,4% so với năm 1975, đảng viên tích cực tăng 8% so với năm 1975. Năm 1978, qua phân loại chất lượng đảng viên trong thực hiện Thông tri 22, số đảng viên đủ tư cách 2730 đồng chí đạt 75,55%, không đủ tư cách là 855 đồng chí đạt 24,5%. Chất lượng đảng viên nâng lên, song số đảng viên không đủ tư cách còn khá cao, Đảng bộ chỉ đạo bằng mọi biện pháp tích cực để chuyển hoá giáo dục đại bộ phận số đảng viên này sớm trở thành đảng viên đủ tư cách.

Phân loại tổ chức cơ sở Đảng năm 1980 có 6 Đảng bộ xã, 25 Đảng bộ, chi bộ cơ quan là tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh đạt 12,5%; 10 Đảng bộ xã và 27 chi, Đảng bộ cơ quan là tổ chức cơ sở Đảng khá đạt 50%, 3 Đảng bộ xã và 2 chi bộ cơ quan là cơ sở Đảng yếu kém.

Đảng bộ coi quản lý hồ sơ lý lịch đảng viên là một trong những công tác quan trọng của công tác quản lý đội ngũ đảng

viên. Năm 1977, các chi đảng bộ cơ sở đã triển khai kiểm tra lý lịch khản trương và tích cực, kiện toàn hồ sơ lý lịch theo quy định của Trung ương. Qua kiểm tra, tổng số 3900 đảng viên, có 615 đảng viên thiếu lý lịch, 41 đảng viên thiếu sơ yếu lý lịch. Qua đó, đã giúp cho các cấp uỷ đảng quản lý tốt đảng viên, nắm tình hình diễn biến đội ngũ đảng viên, báo cáo kịp thời số liệu chính xác. Tuy nhiên, vẫn còn một số hồ sơ chưa ăn khớp giữa lý lịch và sơ yếu lý lịch về tuổi đời, thời gian vào Đảng, quá trình công tác..., việc bổ sung lý lịch hàng năm không thực hiện được đầy đủ.

Phẩm chất đảng viên trong toàn Đảng bộ nhìn chung trong sạch về chính trị, có nhiệt tình và trách nhiệm, luôn vững vàng trước những khó khăn. Thiên tai địch hoạ, tình hình trong nước và quốc tế biến động, nhưng đa số cán bộ đảng viên gương mẫu trước quần chúng, giữ gìn được cuộc sống trong sạch và lành mạnh. Nhiều đồng chí đã vượt qua khó khăn để chấp hành các nghị quyết của Đảng như đi bộ đội, đi công tác miền núi, phía Nam và công tác quốc tế... Nhiều đồng chí đã trưởng thành trong công tác thực tế.

Công tác phát triển đảng viên mới đã có sự chỉ đạo đến các cấp uỷ Đảng cơ sở các ngành, nhất là với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Các cấp uỷ đảng đã chú ý lựa chọn bồi dưỡng, giao công tác thử thách cho quần chúng tích cực, có phân công đảng viên tuyên truyền giáo dục. Số lượng đảng viên mới được kết nạp ngày càng tăng lên, năm 1976 chỉ kết nạp được 10 đồng chí, năm 1980 kết nạp được 86 đồng chí. Mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác phát triển đảng viên mới, nhưng nhìn chung công tác phát triển đảng còn yếu, có



Lễ hội Chùa Long Đọi Sơn được tổ chức hàng năm từ ngày 17-21/3 (Âm lịch)

chi bộ, Đảng bộ phong trào sản xuất khá, có nhiều quần chúng tích cực nhưng đến 7 năm không kết nạp được đảng viên mới, có Đảng bộ 10 năm không kết nạp được đảng viên nào, điển hình là Đảng bộ xã Duy Minh. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do các chi, Đảng bộ cơ sở phân công theo dõi, bồi dưỡng đối tượng không cụ thể, làm thủ tục kết nạp còn lúng túng và quá chậm, trách nhiệm phát triển đảng của đảng viên và cấp uỷ chưa cao.

Thực hiện Chỉ thị 83- CT/TW, ngày 26/1/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, về việc làm thẻ và phát thẻ đảng viên, Đảng bộ xác định: Đây là việc làm mới, Đảng bộ chưa có kinh nghiệm, yêu cầu độ chính xác cao. Là một việc làm quan trọng có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc để nâng cao hơn nữa ý thức đảng, tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ, thúc đẩy cuộc vận động “xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch”. Đưa công tác quản lý đảng viên vào nề nếp, ngăn ngừa kẻ địch, phần tử xấu chui vào Đảng. Đảng bộ nhận thức rõ ý nghĩa của việc làm thẻ đảng viên và phát thẻ đảng viên nên đã phát động thành một phong trào sâu rộng trong toàn Đảng bộ nhằm giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phấn khởi, tin tưởng của đảng viên; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng và củng cố Đảng về mặt tổ chức, sàng lọc đội ngũ của Đảng, làm cho tổ chức Đảng vững mạnh trong sạch cả về chính trị tư tưởng và tổ chức. Từ tháng 6/1979, Đảng bộ đã mở hội nghị cấp uỷ quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về việc làm thẻ đảng viên và phát thẻ đảng viên. Toàn

Đảng bộ tiến hành phân loại chi đảng bộ cơ sở vững mạnh trong sạch, phân loại đảng viên chặt chẽ theo đúng hướng dẫn. Kết quả đợt 3/2/1980, số đảng viên được nhận thẻ là 959 đồng chí chiếm 82,6% tổng số đảng viên đủ tư cách, một số chi bộ có từ 90% số đảng viên trở lên được nhận thẻ. Việc củng cố tổ chức và phát thẻ đảng viên đã có tác động lớn đối với Đảng bộ. Những chi Đảng bộ được phát thẻ đã ngày càng vững mạnh, sinh hoạt Đảng đều đặn, có nề nếp, có chất lượng, phong trào cách mạng của quần chúng tràn đầy không khí phấn khởi tin tưởng. Qua sơ kết, việc tổ chức làm thẻ và phát thẻ đảng viên, Đảng bộ đánh giá: việc phát thẻ đảng viên được thực hiện đúng nguyên tắc, thủ tục; việc kiểm tra tư cách đảng viên trước và sau khi phát thẻ đã được tiến hành ở 100% đảng bộ, chi bộ xã và cơ quan, những vấn đề tồn tại được giải quyết kịp thời đảm bảo đúng tinh thần của Chỉ thị 83 của Ban Bí thư quy định.

Công tác kiểm tra đã quan tâm hơn đến việc giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn, nên số vụ vi phạm và số đảng viên bị kỷ luật ngày một giảm, góp phần làm trong sạch đội ngũ của Đảng, nâng cao uy tín, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng. Việc kiểm tra công tác phát triển đảng, công tác tài chính đảng và việc thi hành kỷ luật ở tổ chức cơ sở đảng được tiến hành đồng thời. Năm 1980, đã giải quyết nhanh gọn 29 vụ tố giác, 3 vụ khiếu nại và xử trí 26 vụ kỷ luật, bảo đảm đúng nguyên tắc quy định.

Đảng bộ đã lãnh đạo xây dựng bộ máy Nhà nước, củng cố chính quyền, đoàn thể các cấp đạt nhiều kết quả. Thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VI trên địa bàn huyện đạt

kết quả tốt, với 99,1% cử tri đi bỏ phiếu, bảo đảm pháp luật, bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân. Tháng 4/1977, Đảng bộ đã lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện và xã theo quy định, đã bầu được 49 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và 679 đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Hội đồng nhân dân huyện và xã đã bầu 13 đồng chí uỷ viên Uỷ ban nhân dân huyện và 136 uỷ viên Uỷ ban nhân dân xã. Bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở được kiện toàn thêm một bước. Việc thực hiện Chỉ thị 159/TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống phiền hà, quan liêu, độc đoán có chuyển biến tốt. Nhiều cơ quan như Uỷ ban nhân dân, công an, thương nghiệp, lương thực đã cải tiến phương thức và lề lối tác phong trong nhiều khâu công tác, giảm bớt thời gian đi lại cho nhân dân, tề giấy tờ gây phiền hà giảm hẳn. Việc giáo dục quần chúng tuân theo pháp luật, làm tốt nghĩa vụ công dân được chú ý hơn. Mặc dù có cải tiến lề lối làm việc, nhưng Hội đồng nhân dân chưa thực sự phát huy được vai trò trong việc phản ánh ý chí nguyện vọng của nhân dân và đề xuất những vấn đề bổ ích thiết thực trong sản xuất và đời sống. Từng lúc, từng nơi vẫn còn biểu hiện không tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân. Các phòng giúp việc của Uỷ ban nhân dân chưa được kiện toàn đúng mức và chưa nâng cao được năng lực chuyên môn.

Quan hệ giữa chính quyền quản lý và hợp tác xã chỉ đạo trực tiếp chưa rõ dẫn đến hiện tượng ý nại, làm thay, chồng chéo. ở một số cơ sở, Ban chủ nhiệm hợp tác xã làm cả việc của chính quyền. Uỷ ban nhân dân coi việc sản xuất là của hợp tác xã nông nghiệp, buông lỏng chức năng quản lý, kiểm tra,

giám sát hợp tác xã thực hiện kế hoạch, hợp tác xã không báo cáo tiến độ sản xuất, kết quả tổ chức lại sản xuất cải tiến quản lý cho Ủy ban nhân dân. Những hiện tượng này đã làm giảm hiệu quả quản lý của chính quyền.

Thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác dân vận và mặt trận trong tình hình mới, Đảng bộ Duy Tiên đã tăng cường chỉ đạo các đoàn thể quần chúng đi sát cơ sở, nắm vững nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, vận động hội viên, đoàn viên hăng hái lao động sản xuất, sẵn sàng tham gia hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội góp phần bảo vệ Tổ quốc. Công tác vận động quần chúng có nhiều chuyển biến sâu sắc. Tổ chức bộ máy các đoàn thể quần chúng được kiện toàn và củng cố. Nội dung công tác vận động quần chúng đã tập trung vào việc tăng cường khối đại đoàn kết công nông liên minh, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng trong việc đẩy mạnh nhiệm vụ chính trị, thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, hăng hái tham gia sản xuất xây dựng kinh tế, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và các mặt công tác khác, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của huyện.

Mặt trận Tổ quốc đã phát động các tầng lớp nhân dân nâng cao ý thức làm chủ tập thể của mỗi người trên mọi lĩnh vực hoạt động. Thực hiện tốt 5 nhiệm vụ của Trung ương Mặt trận Tổ quốc đề ra một cách thiết thực. Đã động viên các cụ phụ lão tham gia sản xuất. Năm 1980, các cụ đã khai phá được 80 mẫu đất hoang hoá trồng lúa, khoai, trồng 750.000 cây lấy gỗ và cây ăn quả. Nhiều nơi các cụ xung phong đứng ra nhận



trông nom chăm sóc ao cá Bác Hồ. Các cụ tham gia tích cực vào việc giáo dục con cháu, làm công tác hòa giải, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới. Các tôn giáo có phong trào thi đua thực hiện quy ước xứ đạo tiến bộ, xây dựng chùa tiến bộ đã góp phần tạo chuyển biến tốt về lao động sản xuất tiết kiệm. Hệ thống tổ chức của mặt trận từ huyện đến cơ sở được củng cố và hoạt động ngày một hiệu quả hơn.

Đoàn thanh niên đã tích cực phát động phong trào 3 xung kích làm chủ tập thể và phong trào phát cao cờ đoàn lập công dâng Đảng. Cán bộ, đoàn viên thanh niên trong huyện nêu cao vai trò nòng cột gương mẫu đi đầu trong lao động sản xuất công tác học tập và bảo vệ Tổ quốc. Năm 1980, đã có 10.000 đoàn viên thanh niên tham gia làm bè hoa dâu, sản xuất phân bón, làm thuỷ lợi, thuỷ nông kiến thiết đồng ruộng, nhận cánh đồng thâm canh để chăm bón, nâng cao năng suất cây trồng trên cơ sở vận dụng tốt khoa học kỹ thuật. Phong trào đăng ký tình nguyện hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước trước thời hạn đã thu hút 100% đoàn viên khối sản xuất tiểu thủ công nghiệp đăng ký. Đoàn viên thanh niên còn tích cực tham gia phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao. Trong bất cứ lĩnh vực nào thanh niên cũng nhận những phần việc khó, nhiều đoàn viên thanh niên đã đăng ký làm thêm giờ, thêm buổi khi thời vụ khẩn trương.

Đoàn đã làm tốt công tác giáo dục và bảo vệ thiếu niên nhi đồng. Năm 1980, hưởng ứng cuộc vận động đóng góp

xây dựng thành phố thiếu nhi của tỉnh, huyện đoàn Duy Tiên đã vận động đóng góp được 25.000 đồng.

Hội phụ nữ huyện tập trung chỉ đạo triển khai Nghị quyết 20 của Trung ương hội. Phong trào hoạt động của hội có nhiều chuyển biến. Hội đã phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, thu hút đông đảo chị em phụ nữ trong huyện tham gia, góp phần làm không khí thi đua trong huyện thực sự sôi nổi. Hầu hết hội viên tình nguyện làm thêm giờ và lao động có năng suất cao, nhiều chị em cấy lúa đạt năng suất từ 1,5 đến trên 2 sào một ngày công. Nhiều chị em tranh thủ thời gian mượn đất trồng thêm vụ đông, chủ động tận dụng các bờ mương, máng trồng khoai nước, dong giềng làm thức ăn chăn nuôi. Nhiều chị đã cùng gia đình chăn nuôi từ 3 đến 6 con lợn, bán cho Nhà nước từ 100 đến 200 kg lợn hơi trong một năm. Chị em đã vận động tiết kiệm, cho Nhà nước vay lương thực vào thời kỳ giáp hạt, năm 1980 các chị đã cho Nhà nước vay được 345 tấn thóc, 300 tấn khoai tây. Trong mọi hoàn cảnh chị em phụ nữ đều giữ vai trò tích cực trong việc vận động chống con tòng quân, chấp hành chính sách hậu phương quân đội, chăm lo hạnh phúc cho gia đình. Tổ chức phụ nữ từ huyện đến cơ sở được kiện toàn, phong trào phụ nữ được các ngành quan tâm.

Công đoàn và hội nông dân là những tổ chức mới được thành lập nhưng cũng đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của huyện.

Với những thành tích đã đạt được trong 5 năm 1976-1980, nhìn chung phong trào của huyện Duy Tiên đang chuyển

biến theo hướng vươn lên, đồng đều, toàn diện được Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh biểu dương, khen ngợi, Đảng bộ được tặng cờ Đảng bộ vững mạnh. Nhiều ngành, nhiều đơn vị cơ sở trong huyện được Đảng và Nhà nước tuyên dương khen thưởng. Trên nhiều lĩnh vực hoạt động đã xuất hiện nhiều nhân tố mới và điển hình tiên tiến như các hợp tác xã Châu Giang, Yên Bắc, Tiên Nội, Mộc Nam, Tiên Hải, Trác Văn; các cơ quan như đội công trình xây dựng, y tế, thương binh xã hội, giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá... Bên cạnh những thành tích Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên đã giành được trong những năm đầu sau khi đất nước thống nhất, khó khăn vẫn còn rất lớn. Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, chưa vượt qua được những yếu tố của nền sản xuất nhỏ, năng suất, sản lượng tăng không đáng kể, không theo kịp tốc độ tăng dân số; sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ nông nghiệp; quản lý thị trường, phân phối còn nhiều sơ hở; đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn... Đây là những thách thức, đòi hỏi Đảng bộ Duy Tiên phải có những quyết sách phù hợp để lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, xây dựng quê hương Duy Tiên phát triển xứng tầm là một huyện nông- công nghiệp như Nghị quyết của Đảng bộ đã đề ra.

## **II - Bước đầu thực hiện đổi mới cơ chế trong nông nghiệp, thực hiện kế hoạch 5 năm (1981-1985)**

Năm 1981, 1982 là những năm đầu thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ 3(1981-1985), đồng thời cũng là những năm Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên tiếp tục thực hiện

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ huyện XIV, đây là thời kỳ tình hình kinh tế xã hội trong cả nước gặp nhiều khó khăn. Kẻ thù ra sức tìm cách chống phá Đảng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta. Trong khi đó mô hình sản xuất tập thể, cơ chế quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn nhiều yếu kém, sản xuất trì trệ, năng suất thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, xã viên thờ ơ với đồng ruộng và cơ sở sản xuất. Trong nông nghiệp, hình thức khoán sản phẩm cuối cùng tới người lao động theo tinh thần Thông báo số 22 của Ban Bí thư đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm. Từ thực tế đó, ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100- CT/TW, về *cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp*. Sau đó ngày 21/1/1981, Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh có Nghị quyết số 12, về thực hiện công tác khoán.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Huyện uỷ đã nhanh chóng mở hội nghị triển khai Chỉ thị và Nghị quyết 12 của Tỉnh uỷ, nhằm thống nhất nhận thức trong toàn Đảng bộ, hợp tác xã và xã viên để tìm bước đi thích hợp. Đảng bộ đã giao cho Ban nông nghiệp tập huấn cho cán bộ cơ sở thực hiện khoán ngay trong sản xuất vụ chiêm xuân năm 1981, toàn huyện đã có 21/21 hợp tác xã nông nghiệp và hơn 90% đội sản xuất cơ bản đã chuyển từ hình thức khoán việc sang hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Các hợp tác xã thực hiện “ba khoán” đối với đội sản xuất. Đó là khoán chi phí, khoán công điểm và khoán sản phẩm. Ban quản trị hợp tác xã vẫn điều hành một số khâu: giống, điện